

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH**

Số 489, Đường 30/4, KP1, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0276.3822 240

Fax: 0276.3822 243

Email: [capthoatnuoctayninh@gmail.com](mailto:capthoatnuoctayninh@gmail.com)

Website: [www.capthoatnuoctayninh.com.vn](http://www.capthoatnuoctayninh.com.vn)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

# **2017**

# MỤC LỤC



<b>01</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>
04	Thông tin khái quát
05	Quá trình hình thành và phát triển
11	Các thành tựu tiêu biểu
12	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
13	Sơ đồ tổ chức
15	Định hướng phát triển
17	Các rủi ro
<b>21</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>
23	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
24	Tổ chức và nhân sự
37	Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
39	Tình hình tài chính
41	Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
43	Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



<b>BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>47</b>
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	49
Tình hình tài chính	53
Những cái tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	56
Kế hoạch phát triển trong tương lai	59
Trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	61
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>63</b>
Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	65
Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	71
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	72
<b>BÁO CÁO QUẢN TRỊ</b>	<b>75</b>
Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	77
Các cuộc họp của HĐQT	81
Ban kiểm soát	84
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BĐH và BKS	97
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>99</b>

# THÔNG TIN CHUNG



The background of the slide features a dynamic, high-speed photograph of water splashing and creating bubbles. The water is captured in various stages of movement, with some droplets frozen in time and others forming larger, frothy splashes. The overall color palette is a range of blues, from light, airy tones to deep, saturated blues, creating a sense of freshness and energy.

**Thông tin khái quát**

**Quá trình hình thành và phát triển**

**Các thành tựu tiêu biểu**

**Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**Địa bàn kinh doanh**

**Sơ đồ tổ chức**

**Định hướng phát triển**

**Các rủi ro**



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
- Tên viết tắt: TAYNINH WASSCO
- Tên Tiếng Anh: TAYNINH WATER SUPPLY SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY
- Mã cổ phiếu: WTN
- Vốn điều lệ: 105.768.270.000 đồng
- Trụ sở chính: Số 489, đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại: (0276) 3822 240
- Fax: (0276) 3822 243
- Email: capthoatnuoctayninh@gmail.com
- Website: www.capthoatnuoctayninh.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3900243762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 27/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/07/2017.





# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

## Trước năm 1994

Công ty chỉ khai thác nước ngầm tại các trạm bơm giếng với công suất 50-60m<sup>3</sup>/giờ/giếng, tổng công suất phát ra khoảng 6.000m<sup>3</sup>/ngày.

## Sau ngày 30/4/1975

Công ty đổi tên thành Xí nghiệp Cấp nước trực thuộc Sở Xây dựng Tây Ninh.

## Trước ngày 30/4/1975

Công ty là Trung tâm Cấp thủy Tây Ninh trực thuộc Quốc Gia sản Cấp thủy cục Sài Gòn.





**Ngày 24/9/1998**

Công ty đổi tên thành Công ty cấp thoát nước Tây Ninh theo Quyết định số 95/QĐ-CT của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.



**Năm 1994**

Nhà máy nước Tây Ninh công suất 7.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đi vào hoạt động, nguồn nước khai thác lấy từ hồ Dầu Tiếng Tây Ninh.



## **Năm 2010**

Với nguồn vốn vay ADB nâng công suất Nhà máy nước Tây Ninh lên 18.000m<sup>3</sup>/ngày, cùng với các trạm khai thác nước ngầm tại các trung tâm huyện Gò Dầu, Trảng Bàng, Bến Cầu và Châu Thành, nâng tổng công suất thiết kế của toàn Công ty lên 27.400m<sup>3</sup>/ngày đêm.

## **Ngày 01/03/2006**

Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh theo Quyết định số 19/QĐ-UBND, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.



## **Ngày 22/03/2001**

Là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích theo Quyết định số 28/QĐ-CT của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.





**Ngày 02/03/2016 đến nay**



**Ngày 06/11/2015**

Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh.

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh, Nhà nước nắm giữ 52% vốn điều lệ. Toàn tỉnh có 6/9 huyện thị thành phố có hệ thống cấp nước đô thị, trong đó thành phố Tây Ninh đưa vào vận hành khai thác nhà máy công suất 18.000m<sup>3</sup>/ngày. Tỷ lệ thất thoát nước năm 2006 là 30,98% đến năm 2016 còn 20,03%. Mật độ bao phủ trên dân số đô thị năm 2006 là 38,22% đến năm 2016 là 68,31%.

UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 2558/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ dự kiến: 105.768.270.000 đồng.

### **Ngày 13/11/2017**

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh nhận được Quyết định số 917/QĐ-SGDHN ngày 09/11/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty và Thông báo số 1454/TB-SGDHN ngày 09/11/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty.

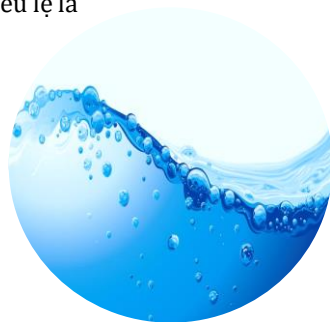


### **Ngày 04/01/2017**

Công ty trở thành công ty đại chúng.

### **Ngày 10/3/2016**

Công ty hoàn tất quá trình cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900243762 thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp với vốn điều lệ là 105.768.270.000 đồng.





### **Hiện nay**

Công ty quản lý hơn 26.000 khách hàng. Ngoài việc tăng khả năng cung cấp nước Công ty còn tiến hành công tác cải tạo mạng lưới hiện hữu và đầu tư mở rộng mạng lưới mới, tổng chiều dài mạng lưới thuộc Công ty quản lý 396.871m bao gồm các loại ống truyền tải, phân phối D400, D300, D250, D150, D100 và các loại ống nhỏ hơn D100. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng cải thiện chất lượng nước và tăng tính phục vụ bằng cách đầu tư toàn bộ lắp đặt đồng hồ nước cho khách hàng.



### **Ngày 16/11/2017**

Hơn 10,5 triệu cổ phiếu của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh (mã WTN đã chính thức đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).



## CÁC THÀNH TỰU TIÊU BIỂU



Công ty đóng vai trò chủ lực trong việc thực hiện cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, hiện đang có 6/9 huyện thành phố và khu công nghiệp Trảng Bàng có hệ thống cấp nước, trong đó thành phố Tây Ninh vận hành khai thác nhà máy nước công suất 18.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tổng công suất khai thác toàn Công ty bình quân 23.981m<sup>3</sup>/ngày đêm.



Ngoài việc tăng khả năng cung cấp nước, Công ty còn tiến hành công tác cải thiện mạng lưới cấp nước hiện hữu và đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước những khu vực đông dân cư. Tổng chiều dài mạng lưới thuộc Công ty quản lý 396.871m bao gồm các loại ống nhựa PVC và HDPE truyền tải, phân phối D400; D300; D250; D200; D150; D100 và các loại ống nhỏ hơn D100. Mật độ bao phủ chiếm 68,31% dân số đô thị được cấp nước.

Bên cạnh đó, Công ty không ngừng cải thiện chất lượng nước và tăng tính phục vụ, dịch vụ cho khách hàng. Qua quá trình phát triển đơn vị đạt được một số thành tựu quan trọng tạo tiền đề bước phát triển mới trong những năm tiếp theo như: Cấp nước phục vụ sinh hoạt ổn định, liên tục với áp lực tốt nhất, chất lượng nước cấp đạt tiêu chuẩn 01/2009/BYT/QC ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế. Tỷ lệ thất thoát nước năm 2006 là 30,98% được kéo giảm xuống còn 20,03% trong năm 2016.

Công ty quản lý và cấp nước cho 25.819 khách hàng, trong đó đối tượng sử dụng nước sinh hoạt chiếm 67,73%; đối tượng cơ quan hành chính sự nghiệp chiếm 6,82%; đối tượng sản xuất vật chất chiếm 0,25%; khu công nghiệp chiếm 13,69%; đối tượng doanh nghiệp chiếm 8,92%; đối tượng kinh doanh dịch vụ chiếm 2,59%.

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900243762 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/7/2017, với định hướng và mục tiêu hoạt động nhằm phục vụ con người và xã hội. Công ty hoạt động cung ứng dịch vụ với chức năng cụ thể như sau:

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Sản xuất kinh doanh nước tinh khiết;
- Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, thiết kế, giám sát và xây dựng các công trình cấp thoát nước trong và ngoài tỉnh;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, nhựa, chuyên ngành cấp thoát nước;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp, thoát nước;
- Xây dựng: các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Quản lý thoát nước và vệ sinh môi trường.



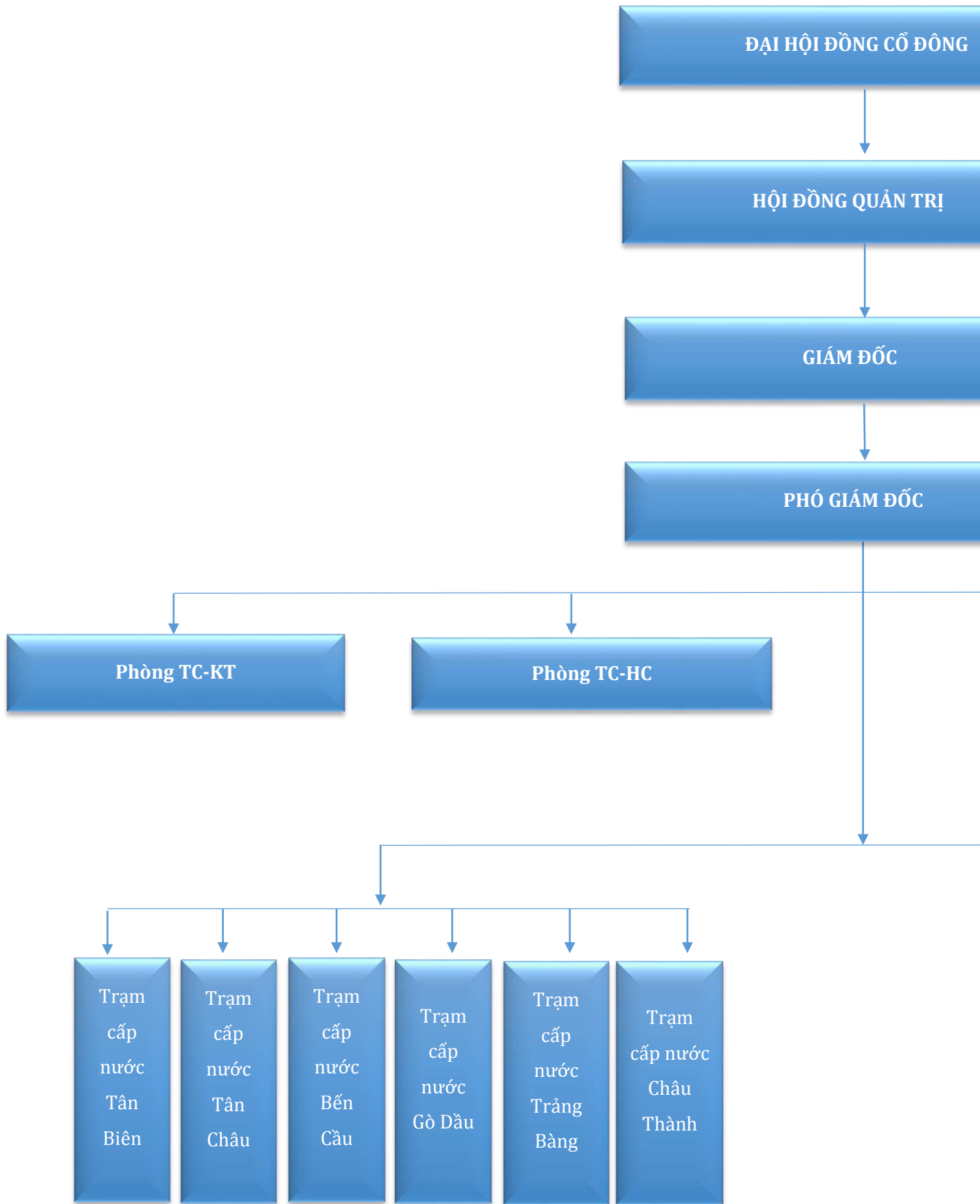
## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn tỉnh Tây Ninh





# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Công ty con, Công ty liên kết: Không có

BAN KIỂM SOÁT

Phòng KH-KT

Phòng QL-KH

Nhà  
máy  
nước  
Tây  
Ninh

Đội  
quản lý  
thi công  
Tp.  
Tây  
Ninh

Đội  
quản lý  
thi công  
Hòa  
Thành

Đội QL  
chất lượng  
nước &  
chống thất  
thoát

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Xây dựng công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo đời sống cho người lao động, đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước, đảm bảo cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Theo quyết định của UBND tỉnh Tây Ninh số 22/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 về việc ban hành Chương trình phát triển Đô thị tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2014-2020 và định hướng đến năm 2030, thì giai đoạn 2016 – 2020 số lượng các đô thị trên địa bàn toàn tỉnh là 14 đô thị tăng thêm 5 đô thị so với năm 2015 cụ thể như sau:

- Đô thị loại III: có 1 đô thị (thành phố Tây Ninh).
- Đô thị loại IV: có 3 đô thị (thị trấn Trảng Bàng, thị trấn Hòa Thành và thị trấn Gò Dầu) trong đó thị trấn Gò Dầu từ đô thị loại V được nâng cấp lên Đô thị loại IV.
- Đô thị loại V: có 10 đô thị trong đó có 5 thị trấn: Tân Biên, Tân Châu, Châu Thành, Dương Minh Châu, Bến Cầu và 5 Đô thị mới được hình thành là: Phước Đông – Bời Lời, Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc, Kà Tum

Với việc nâng cấp và gia tăng các đô thị thì lượng nước sạch cần cung cấp cũng phải tăng theo để bắt kịp đà phát triển của xã hội. Theo đó thì lượng nước cấp cho khu vực nội bộ của đô thị loại III sẽ nâng lên thành 150 lít/người/ngày, đô thị loại IV, V sẽ nâng lên thành 100 lít/người/ngày. Tiêu chuẩn cấp nước khu công nghiệp là 22m<sup>3</sup>/ha/ngày. Tỷ lệ thất thoát nước trong toàn hệ thống năm 2020 là dưới 18%.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa không thay đổi nhiều so với hiện tại, chủ yếu tập trung nguồn lực để đảm bảo phục vụ nước sạch cho dân cư đô thị theo chủ trương của Nhà nước. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đảm bảo 90% đối với đô thị loại III và 60 – 70% đối với đô thị loại IV mà Công ty đã có hệ thống.

Riêng dịch vụ thoát nước, hiện nay Công ty chưa có quản lý về mặt này, nhưng đến năm 2020 - 2023 dự kiến Công ty sẽ tiếp nhận hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh với công suất 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Từ đó phát triển thêm ngành nghề dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

Riêng dịch vụ thoát nước, hiện nay Công ty chưa có quản lý về mặt này, nhưng đến năm 2020 - 2023 dự kiến Công ty sẽ tiếp nhận hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh với công suất 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Từ đó phát triển thêm ngành nghề dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

Nâng cao năng lực sản xuất theo hướng tự động hóa, hiện đại hóa, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, phấn đấu từ năm 2017 về sau Công ty hoạt động có lãi và ngày càng cao hơn. Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ chất lượng, đủ sức đáp ứng các yêu cầu về nước sạch ngày càng tăng. Thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe cộng đồng...

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của Công ty.
- Tái cơ cấu nhằm đạt được hiệu quả cao trong công tác quản lý và sử dụng hiệu quả chi phí Công ty.
- Áp dụng công nghệ thông tin vào hệ thống điều hành và quản lý Công ty. Nâng cấp hệ thống quản trị mạng lưới cấp nước nhằm đo chính xác các thông số áp lực, lưu lượng, hạn chế tình trạng thất thoát nước.
- Tập trung phát triển các hoạt động chăm sóc khách hàng, nhằm theo sát nhu cầu thực tế và cải thiện chất lượng dịch vụ.
- Chú trọng các hoạt động xây dựng hình ảnh và thương hiệu nhằm mục đích thu hút đầu tư, mở rộng thị trường.



### Mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội

- Khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ môi trường nước nhằm đảm bảo nguồn cung nước sạch, có chất lượng đến người dân trong khu vực.
- Đảm bảo đời sống và việc làm của người lao động, góp phần hỗ trợ sự phát triển của dân cư trong vùng phục vụ của Công ty.
- Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hướng đến nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường nước.

# CÁC RỦI RO

## Rủi ro kinh tế

Năm 2017 là năm đặc biệt khi lần đầu tiên sau nhiều năm, Việt Nam hoàn thành toàn diện và vượt mức 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Nổi bật là tăng trưởng GDP đạt 6,7%, mức cao nhất trong gần 10 năm qua. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức 3%, là năm thứ 4 liên tiếp lạm phát duy trì ở mức thấp dưới 5% và cho thấy nền tảng của ổn định vĩ mô đang được thiết lập rõ nét.

Hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước, các yếu tố kinh tế vĩ mô không tác động quá lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch sinh hoạt của Công ty, do nước được xếp vào dạng hàng hóa sinh hoạt thiết yếu, gắn liền với quá trình phát triển đất nước và luôn nằm trong danh mục khuyến khích phát triển của Chính phủ. Tuy nhiên, các yếu tố kinh tế vĩ mô lại có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các khu công nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn doanh thu chiếm tỷ trọng lớn của Công ty cổ phần Cấp nước Tây Ninh. Vì vậy, việc thường xuyên theo dõi và nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế là việc quan trọng đối với Công ty.



## Rủi ro môi trường

Hiện nay, nguồn nước ngày càng có nguy cơ bị ô nhiễm gây khó khăn nhất định cho Công ty trong việc xử lý nguồn nước nhằm đảm bảo nguồn cung nước sạch cho dân cư trong địa bàn.

Công ty luôn nỗ lực và tiếp tục đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của các cơ quan chức năng trong hoạt động khai thác và kinh doanh nước sạch. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức trách nhiệm khai thác nguồn nước hợp lý để duy trì tài nguyên thiên nhiên trong tương lai.



## Rủi ro đặc thù ngành

Đặc thù của ngành cấp nước là ngành dịch vụ công cộng chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành này cần phải tuân thủ quy định của pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Hơn nữa, giá bán nước luôn được Nhà nước điều chỉnh để hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng nước. Để đảm bảo lợi ích chung, Nhà nước ban hành ra các khung giá về nước áp dụng cho các khu vực và đối tượng khác nhau, chính vì thế giá bán nước vẫn chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường. Nếu không kiểm soát được tỷ lệ thất thoát nước khi chi phí nhân công, tiền lương, vật tư điện, hóa chất và chi phí vận hành sản xuất nước tăng cao mà giá cước chưa được điều chỉnh tăng lên thì rất khó đạt được hiệu quả.

Rủi ro thất thoát nước cũng là một rủi ro đặc thù của ngành do hệ thống đường ống gặp trục trặc hoặc do các tổ chức, cá nhân thi công công trình làm bể đường ống cấp nước. Nguy cơ này làm cho việc cung cấp nước không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo. Bên cạnh đó, nguồn doanh thu từ cung cấp nước sạch sinh hoạt tuy mang tính ổn định nhưng giá nước sinh hoạt với 10m<sup>3</sup> đầu cho một hộ sử dụng có giá thấp hơn giá thành. Vì vậy, giá không linh hoạt bên cạnh rủi ro về thất thoát nước luôn là hạn chế ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty.

## Rủi ro cạnh tranh

Do tốc độ đô thị hóa nhanh chóng nên khả năng cung ứng nước sạch ở các thành phố, đô thị còn hạn chế, theo đó, hiện chỉ có khoảng 60% dân số đô thị được tiếp cận nước sạch. Tỷ lệ thất thoát nước ở Việt Nam vẫn ở mức cao, trên 30% so với mức bình quân của các nước phát triển, một phần là do hệ thống phân phối nước sạch khá cũ kỹ. Nhìn thấy tiềm năng của ngành sản xuất và cung cấp nước sạch, thời gian qua, nhiều doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đã tham gia đầu tư trực tiếp lẫn gián tiếp vào lĩnh vực này. Với tiềm năng phát triển trong tương lai, rủi ro cạnh tranh giữa các Công ty trong ngành cấp thoát nước trong nước ngày càng gia tăng. Vì vậy quản trị rủi ro là công tác thiết yếu mà Công ty cần thực hiện tốt để nâng cao năng lực cạnh tranh và giữ vững thị phần của mình trên thị trường.

## Rủi ro nguyên vật liệu

Với công cụ sản xuất là hệ thống dây chuyền sản xuất và cung cấp nước sạch phức tạp, Công ty luôn đòi hỏi một nguồn chi phí lớn cho việc xây dựng, bảo quản và sửa chữa hệ thống đường dẫn cấp thoát nước. Các đường ống dẫn nước chủ yếu được làm bằng nhựa nên khi xây mới, sửa chữa và thay thế đường ống mới sẽ làm tăng chi phí đầu vào cho Công ty khi có sự biến động của giá nhựa trên thị trường. Từ đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty trong năm.

## Rủi ro luật pháp

Với những đặc thù của Công ty cổ phần hoạt động trong ngành cấp thoát nước, những hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, v.v... cùng với các quy định, tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng nguồn nước. Do đó, Công ty gặp phải nhiều rủi ro với một hệ thống pháp luật đa dạng và rộng lớn, được ban hành bởi nhiều cấp nhưng lại thiếu sự cân nhắc toàn diện các lĩnh vực với nhau và việc chông chéo giữa các văn bản là điều dễ thấy. Hơn nữa, hệ thống Luật và các văn bản dưới Luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và thường được thay đổi, bổ sung để phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội. Sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hiện nay, mới chỉ có Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 117 (chưa có Luật cấp nước). Trong năm 2017, với sự ban hành nghị định 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng, công ty gặp phải khó khăn trong việc áp dụng luật vào thực tế. Tuy nhiên, có thể thấy mặt tích cực từ những thay đổi này tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài và cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn. Để kịp thời điều chỉnh các văn bản pháp lý và hoạt động của Công ty theo đúng định hướng và khuôn khổ của pháp luật đòi hỏi Công ty phải có sự tìm hiểu, nghiên cứu và thường xuyên cập nhật Luật và các văn bản dưới luật của Nhà nước ban hành.

## Rủi ro khác

Những rủi ro như thiên tai và các rủi ro khác như chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh tuy hiếm xảy ra nhưng ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động và sự ổn định của các Công ty và toàn xã hội. Có thể thấy đó là những rủi ro bất khả kháng, không thể loại trừ, gây tổn hại rất lớn đến tính mạng, sức khỏe của con người và tổn thất đến tài sản, tình hình hoạt động, kinh doanh của Công ty. Tuy không thể loại bỏ những rủi ro trên nhưng có thể đề phòng và giảm thiểu tổn thất bằng cách thường xuyên cập nhật tin tức chính trị, thời tiết, xã hội,... Đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp cứu nạn, cứu hộ, sơ tán và phòng tránh thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, để kịp thời chủ động ứng phó, hạn chế thiệt hại về con người và tài sản ở mức thấp nhất.





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



**Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tổ chức và nhân sự**

**Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**

**Tình hình tài chính**

**Tình hình cổ đông thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng**



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

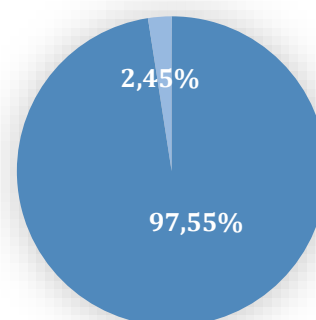
ĐVT: Tỷ đồng

STT	Doanh thu thuần	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu nước máy	40,77	97,55%	55,13	97,81%
2	Doanh thu dịch vụ công trình	1,02	2,45%	1,24	2,19%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>41,79</b>	<b>100,00%</b>	<b>56,37</b>	<b>100,00%</b>

Do Công ty mới chuyển đổi từ mô hình Công ty TNHH sang mô hình Công ty cổ phần từ ngày 10/3/2016 nên chính sách kế toán áp dụng cho năm 2016 và năm 2017 có sự không đồng nhất. Do đó, việc so sánh thay đổi qua các năm là không hợp lý và khó có thể thực hiện được.

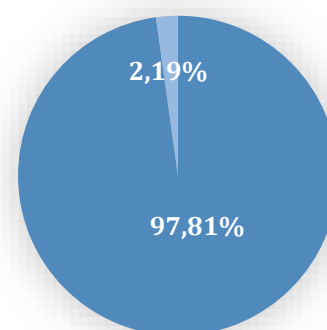
Trong năm 2017, xét về mặt cơ cấu doanh thu thuần, chiếm phần lớn tỷ trọng là doanh thu nước máy với doanh số đạt gần 55,13 tỷ đồng chiếm 97,81%. Doanh thu dịch vụ công trình chỉ chiếm 2,19%, đạt gần 1,24 tỷ đồng.

10/03/2016 đến 31/12/2016



■ Doanh thu nước máy  
■ Doanh thu dịch vụ công trình

Năm 2017



■ Doanh thu nước máy  
■ Doanh thu dịch vụ công trình

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách Ban điều hành

Tính tại thời điểm 31/12/2017

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện và sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Thế Bảo	Giám đốc kiêm TV HĐQT	1.974.000	18,66%
2	Ông Vũ Đình Trung	Phó Giám đốc	7.400	0,07%
3	Ông Lê Thanh Việt	Phó Giám đốc	-	-
4	Bà Trương Thị Bích Thảo	Kế toán trưởng	30.000	0,28%

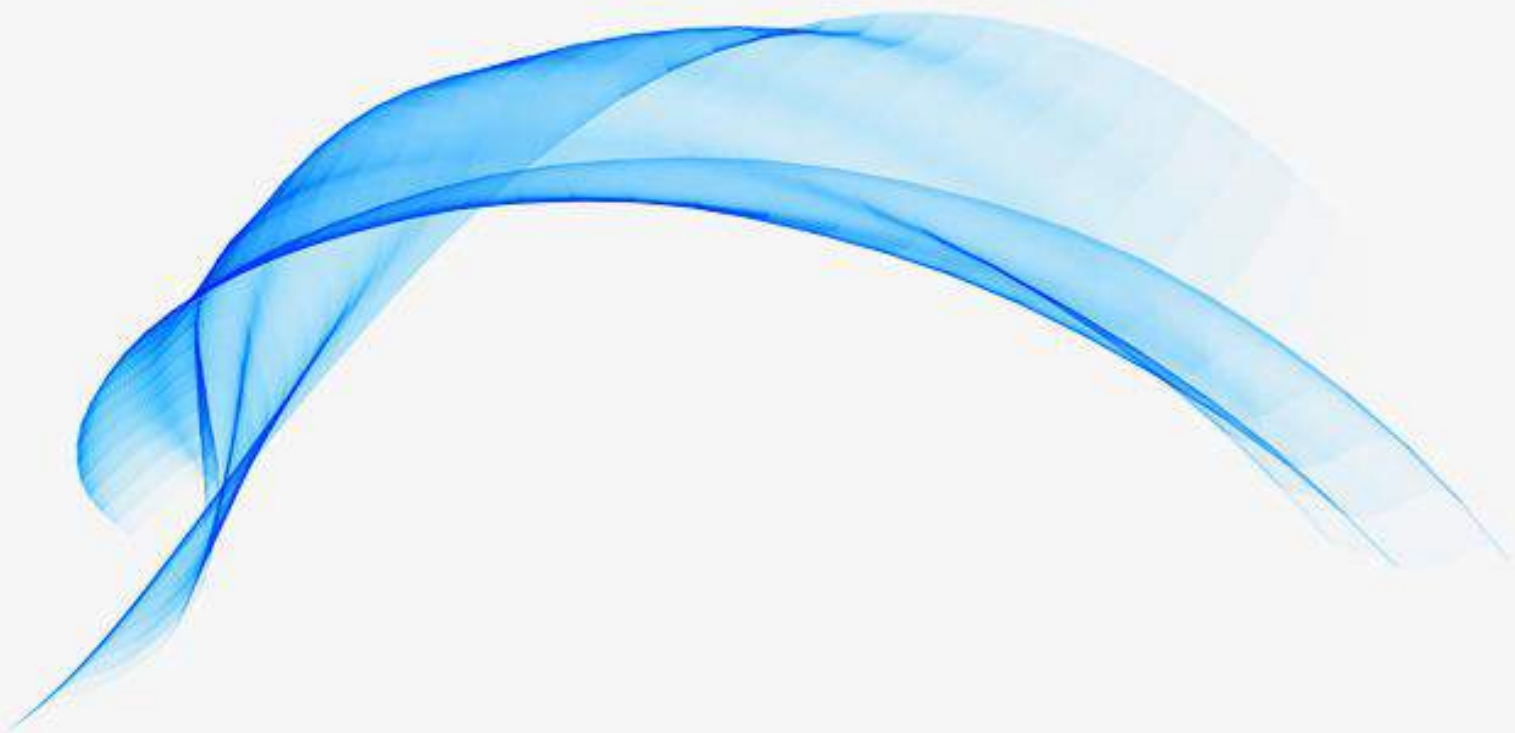
Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành trong năm 2017: Không có.





## Ông NGUYỄN THẾ BẢO

<b>Ngày sinh</b>	11/11/1961
<b>Nơi sinh</b>	Tây Ninh
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Địa chỉ thường trú</b>	1297 CMT8, KP. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
<b>Trình độ văn hóa</b>	12/12
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân kế toán Doanh nghiệp
<b>Quá trình công tác</b>	
○ 8/1983 - 6/1989	Cán bộ chuyên quản Phòng thu Quốc doanh
○ 7/1989 - 12/1989	Kế toán trưởng Công ty xổ số Kiến thiết Tây Ninh
○ 12/1989 - 10/1995	Cán bộ chuyên quản Phòng Quản lý tài chính xí nghiệp Sở Tài chính Tây Ninh
○ 10/1995 - 10/1999	Phó phòng nghiệp vụ II Cục quản lý vốn và Tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp Tây Ninh
○ 10/1999 - 12/2007	Chuyên viên Tài chính Sở tài chính tỉnh Tây Ninh
○ 01/2008 - 05/2009	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Vật liệu và xây dựng Tây Ninh
○ 6/2009 - 10/2011	Chuyên viên phòng Tài chính Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh
○ 10/2011 - 3/2016	Phó phòng tài chính Doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh
○ 3/2016 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh



Chức vụ hiện nay tại Công ty

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức

Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời

1.974.000 cổ phiếu, chiếm 18,66% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu
- Đại diện sở hữu cho UBND

49.000 cổ phiếu, chiếm 0,46% vốn điều lệ

1.925.000 cổ phiếu, chiếm 18,20% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác

Không.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

của những người có liên quan:

- UBND tỉnh Tây Ninh

Sở hữu: 5.500.000 cổ phiếu, chiếm 52% vốn điều lệ.

Các khoản nợ đối với Công ty

Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng

Không có

Hành vi vi phạm pháp luật

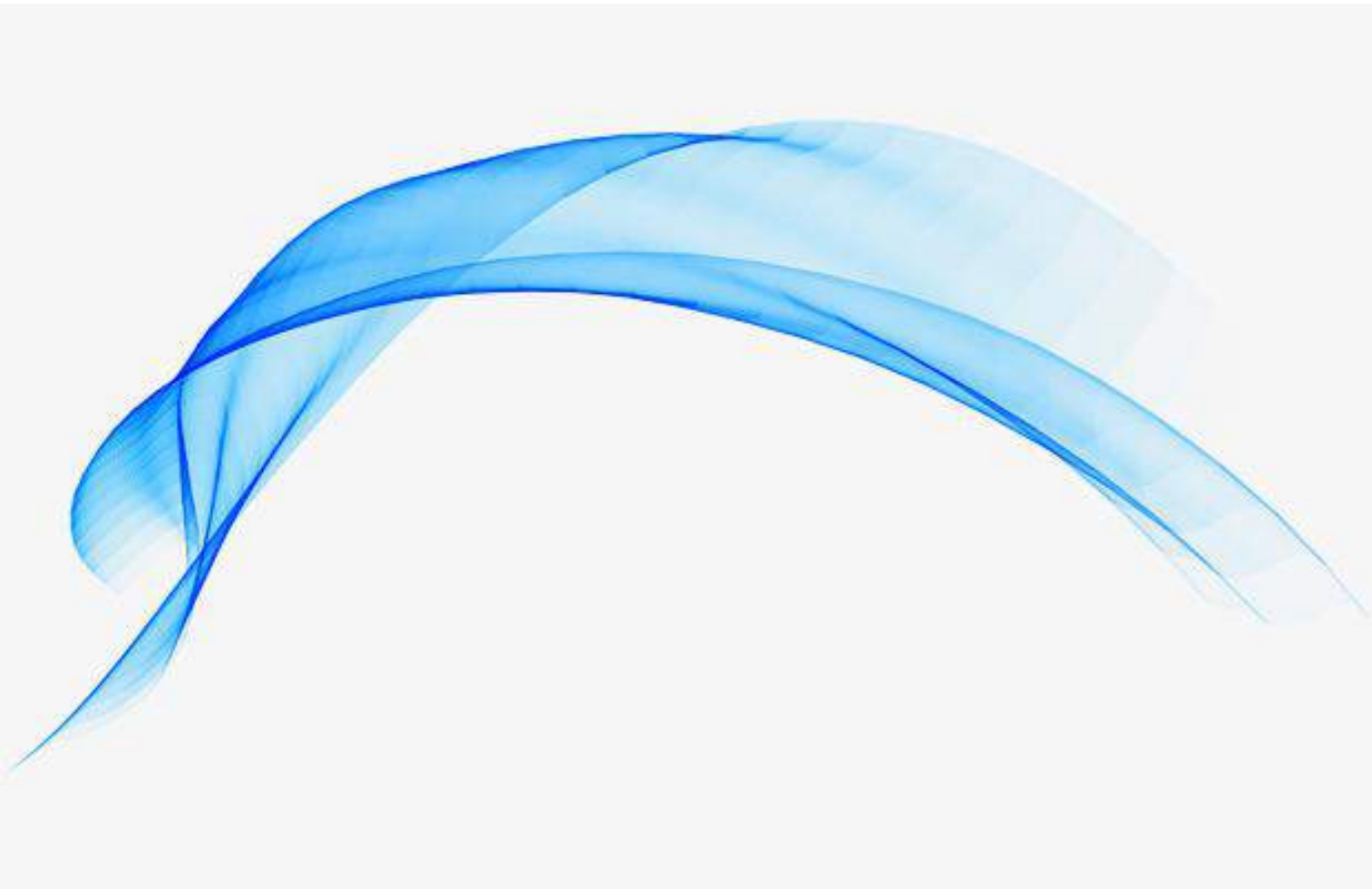
có



## Ông VŨ ĐÌNH THUNG

<b>Ngày sinh</b>	15/9/1969
<b>Nơi sinh</b>	Hung Yên
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Địa chỉ thường trú</b>	30, Hẻm 33, Đường 30/4, P1, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
<b>Trình độ văn hóa</b>	12/12
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Kỹ sư xây dựng ngành Cấp thoát nước
<b>Quá trình công tác</b>	
○ 7/1991 – 01/1996	Nhân viên vận hành Xí nghiệp Cấp thoát nước Tây Ninh
○ 1996 – 1998	Tổ trưởng vận hành nhà máy nước Xí nghiệp Cấp thoát nước Tây Ninh
○ 1998 – 02/2010	Phó quản đốc nhà máy nước Công ty Cấp thoát nước Tây Ninh
○ 2/2010 – 7/2010	Trưởng trạm CN Châu Thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh
○ 7/2010 – 9/2011	Trưởng phòng TCHC Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh
○ 9/2011 đến nay	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh (nay là CTCP Cấp thoát nước Tây Ninh)





Chức vụ hiện nay tại Công ty

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

- Cá nhân sở hữu
- Đại diện sở hữu

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

- Nguyễn Thị Hường (Vợ)

Các khoản nợ đối với Công ty

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng

Hành vi vi phạm pháp luật

Phó Giám đốc

Không

7.400 cổ phiếu, chiếm 0,07% vốn điều lệ

7.400 cổ phiếu, chiếm 0,07% vốn điều lệ

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Không.

Sở hữu: 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,19% vốn điều lệ.

Không

Theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

Không có

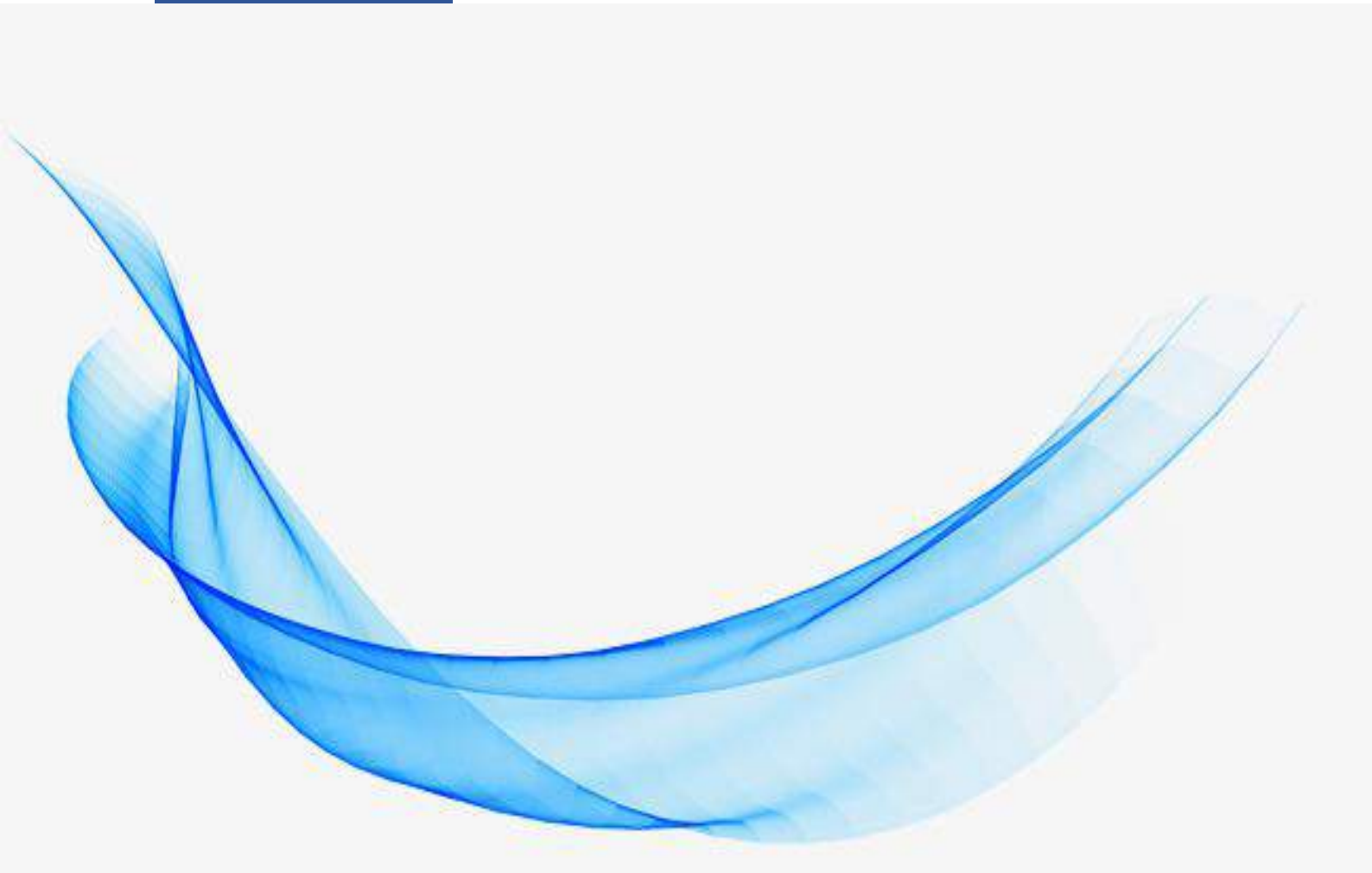
Không có

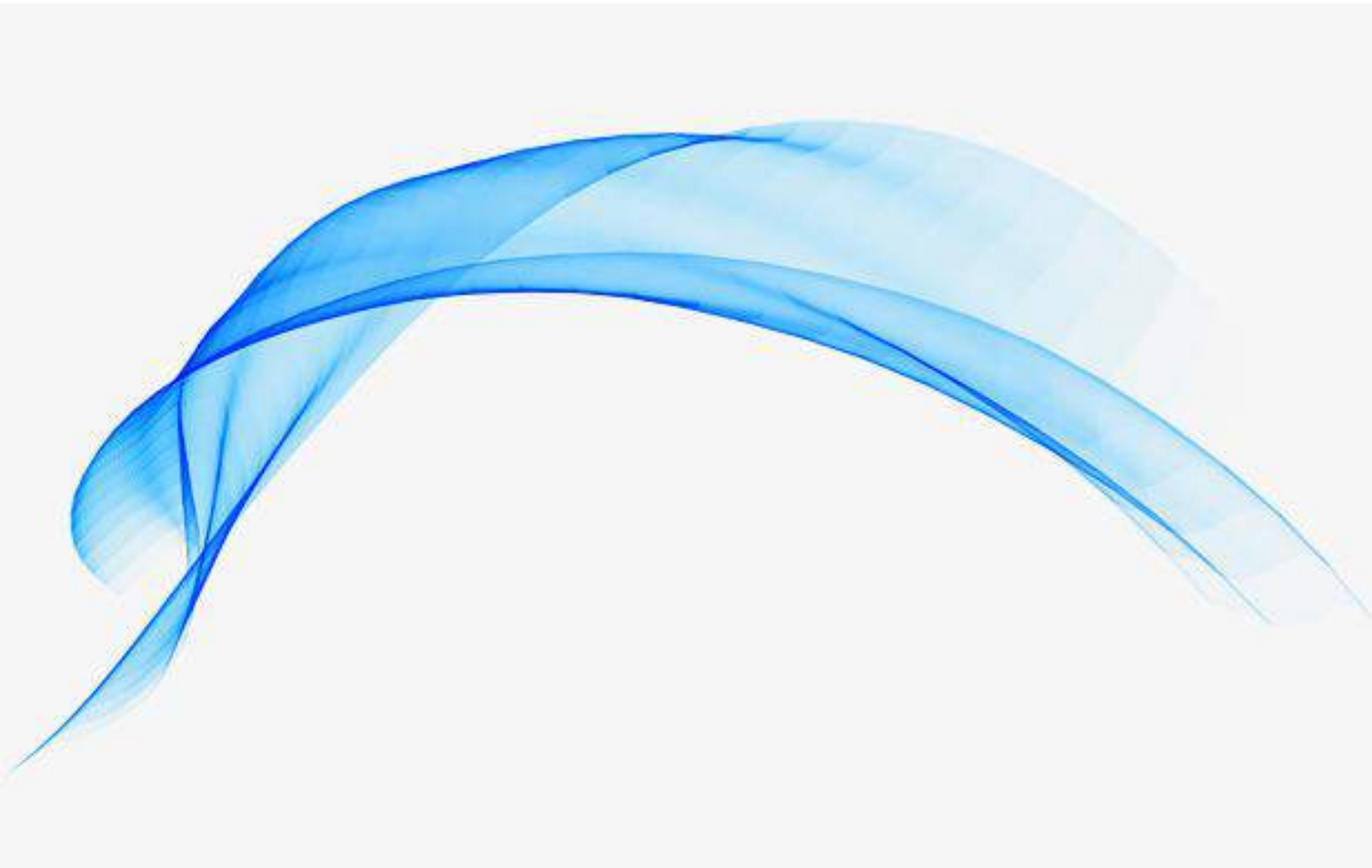




## Ông LÊ THANH VIỆT

<b>Ngày sinh</b>	10/2/1976
<b>Nơi sinh</b>	Tây Ninh
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Địa chỉ thường trú</b>	Ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh
<b>Trình độ văn hóa</b>	12/12
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Kỹ sư xây dựng ngành Xây dựng dân dụng công nghiệp
<b>Quá trình công tác</b>	
○ 1999 – 2006	Cán bộ Kỹ Thuật Công ty TVXD tổng hợp Tây Ninh
○ 2007 – 2009	Giám đốc Công ty TNHH Việt Sơn
○ 2010 – 2014	Phó Giám đốc Công ty TNHH Sinh Thành
○ 2015 – 7/2016	Trợ lý Giám đốc CTCP Hải Đăng
○ 8/2016 đến nay	Phó Giám đốc CTCP Cấp thoát nước Tây Ninh





Chức vụ hiện nay tại Công ty

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

của những người có liên quan

Các khoản nợ đối với Công ty

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng

Hành vi vi phạm pháp luật

Phó Giám đốc

Không

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Không.

Không

Không

Theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

Không có

Không có



## Bà TRƯƠNG THỊ BÍCH THẢO

**Ngày sinh**

01/9/1975

**Nơi sinh**

Quảng Nam

**Quốc tịch**

Việt Nam

**Địa chỉ thường trú**

18 Hẻm 1, Nguyễn Văn Tốt, KP.3, P1, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

**Trình độ văn hóa**

12/12

**Trình độ chuyên môn**

Cử nhân kinh tế (khoa tài chính kế toán)

**Quá trình công tác**

○ 1999 – 2000

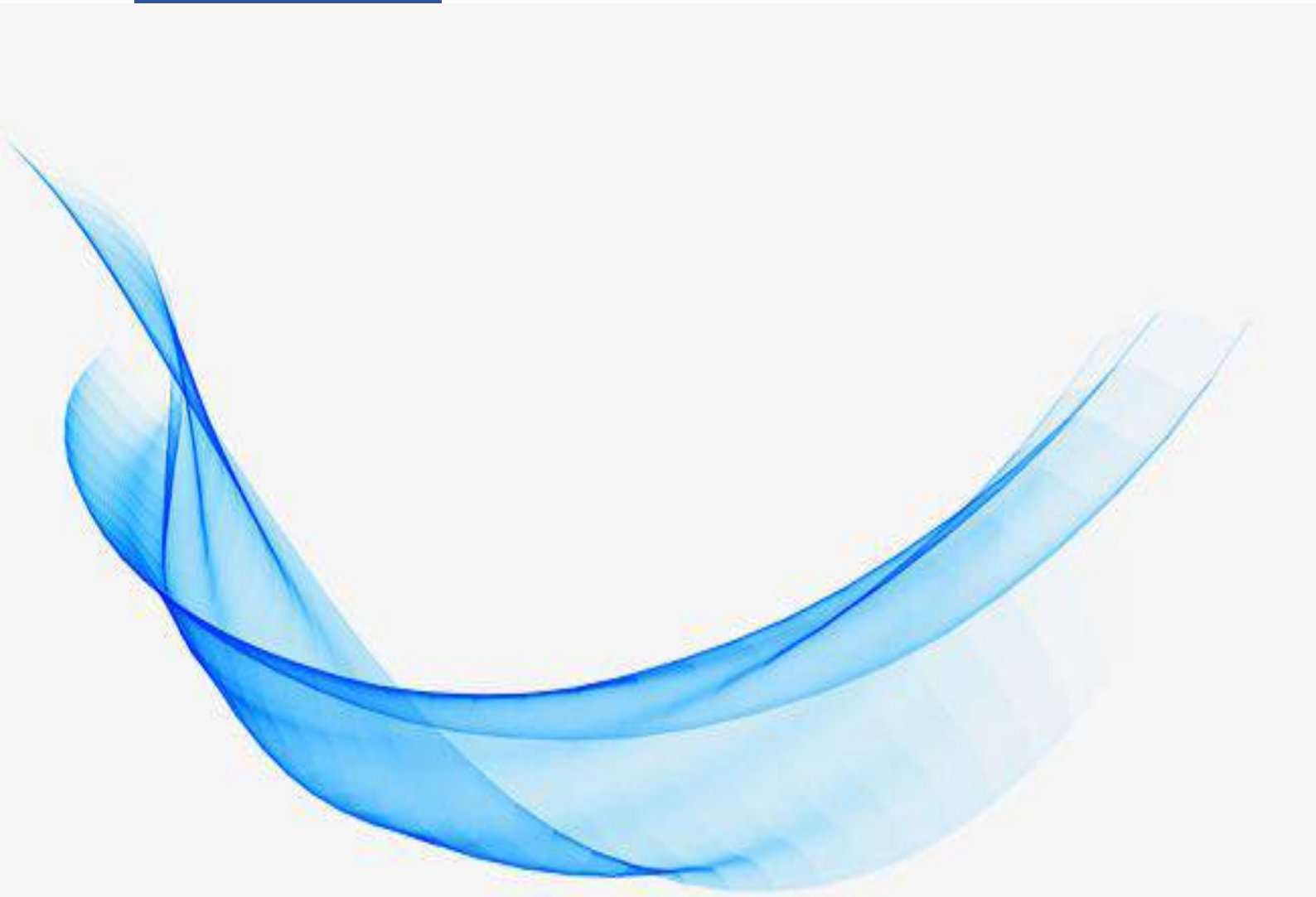
Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản khu vực II – TP. Đà Nẵng

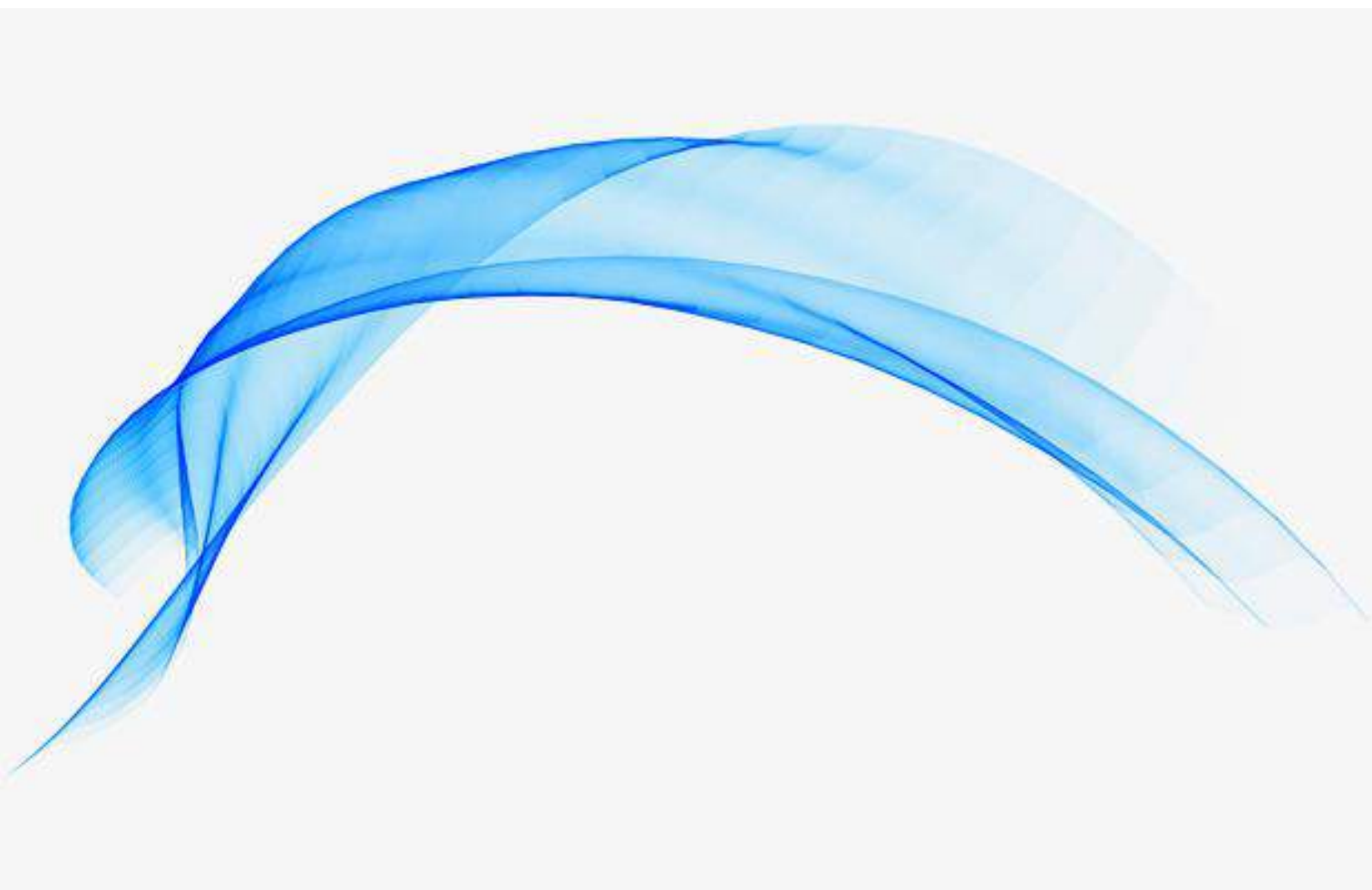
○ 2001 – 2006

Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh

○ 01/2007 đến nay

Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh (nay là CTCP Cấp thoát nước Tây Ninh)



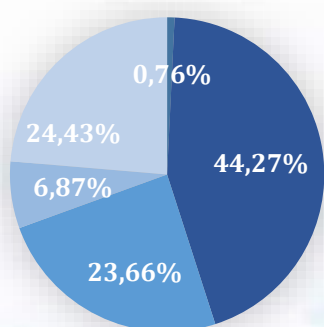


<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty</b>	Kế toán trưởng
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác</b>	Không
<b>Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay</b>	30.000 cổ phiếu, chiếm 0,28% vốn điều lệ
<ul style="list-style-type: none"><li>• Cá nhân sở hữu</li><li>• Đại diện sở hữu</li></ul>	30.000 cổ phiếu, chiếm 0,28% vốn điều lệ 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
<b>Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác</b>	Không.
<b>Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan</b>	Không
<b>Các khoản nợ đối với Công ty</b>	Không
<b>Thù lao và các khoản lợi ích khác</b>	Theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.
<b>Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng</b>	Không có
<b>Hành vi vi phạm pháp luật</b>	Không có

## Số lượng cán bộ công nhân viên

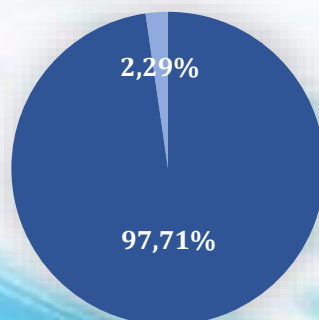
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>131</b>	<b>100%</b>
1	Trên đại học	1	0,76%
2	Đại học, Cao đẳng	58	44,27%
3	Trung cấp	32	24,43%
4	Công nhân kỹ thuật	9	6,87%
6	Lao động phổ thông	31	23,66%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>131</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	128	97,71%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	3	2,29%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>131</b>	<b>100%</b>
1	Nam	101	77,10%
2	Nữ	30	22,90%

Theo trình độ



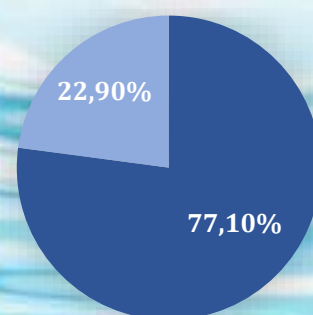
- Trình độ trên đại học
- Trình độ đại học, cao đẳng
- Trình độ trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Theo hợp đồng lao động



- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)

Theo giới tính

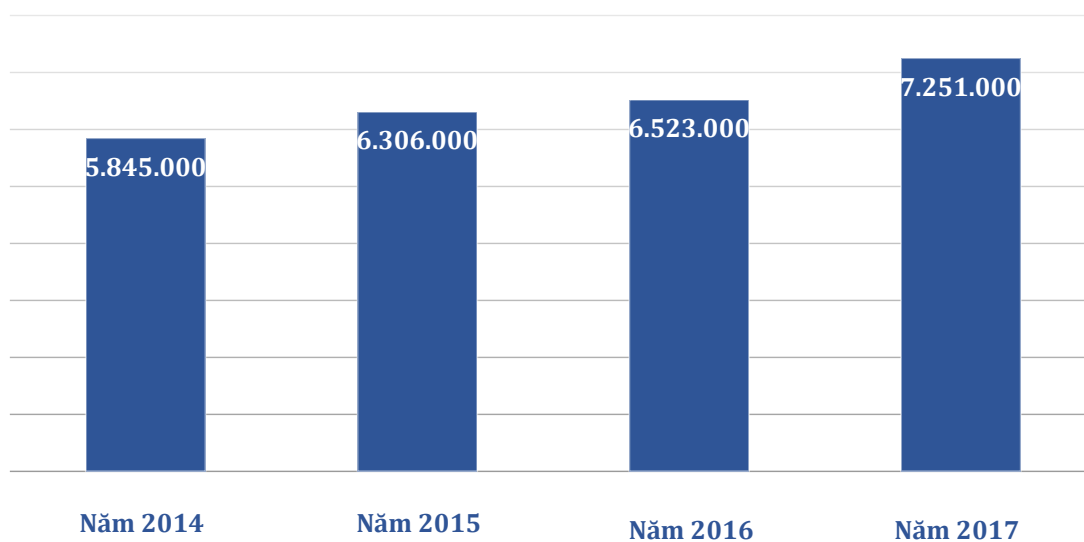


- Nam
- Nữ

## Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng số lượng người lao động (người)			131	131
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.845.000	6.306.000	6.523.000	7.251.000

Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)



## Chính sách nhân sự



### Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho Người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho Người lao động.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Nhân viên được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ luật Lao động và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.
- Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm theo quy định của luật BHXH và được hưởng lương và bảo hiểm xã hội theo quy định. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm các tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

### Chính sách tuyển dụng, đào tạo

#### Đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất nước,... từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu. Nâng cao năng lực cán bộ quản lý, thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo. Phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ trẻ, cán bộ có năng lực, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận.

#### Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

## Chính sách lương, thưởng, phúc lợi,

### Chính sách lương

Công ty thực hiện phân phối lương theo tính chất và trách nhiệm của người lao động, quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

### Bảo hiểm và phúc lợi:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả những người lao động thuộc diện bắt buộc phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn tham gia bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

### Chính sách khen thưởng

Hàng tháng, người lao động được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho việc trả lương và khen thưởng cho người lao động vào cuối năm. Ngoài ra, Công ty thưởng cho người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn như: Tết nguyên đán, Tết Dương lịch, Lễ 30/04 và Quốc tế lao động 01/05, Lễ Quốc khánh 2/9.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp. Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, hàng năm, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

### Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên:

Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe. Ngoài ra Công ty còn được tổ chức cho cán bộ công nhân viên Công ty đi tham quan nghỉ mát.

### Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên:

Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cho cán bộ công nhân viên làm việc. Công ty thực hiện chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên dưới hai hình thức: được mua cổ phiếu ưu đãi theo thâm niên công tác và mua cổ phiếu theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty

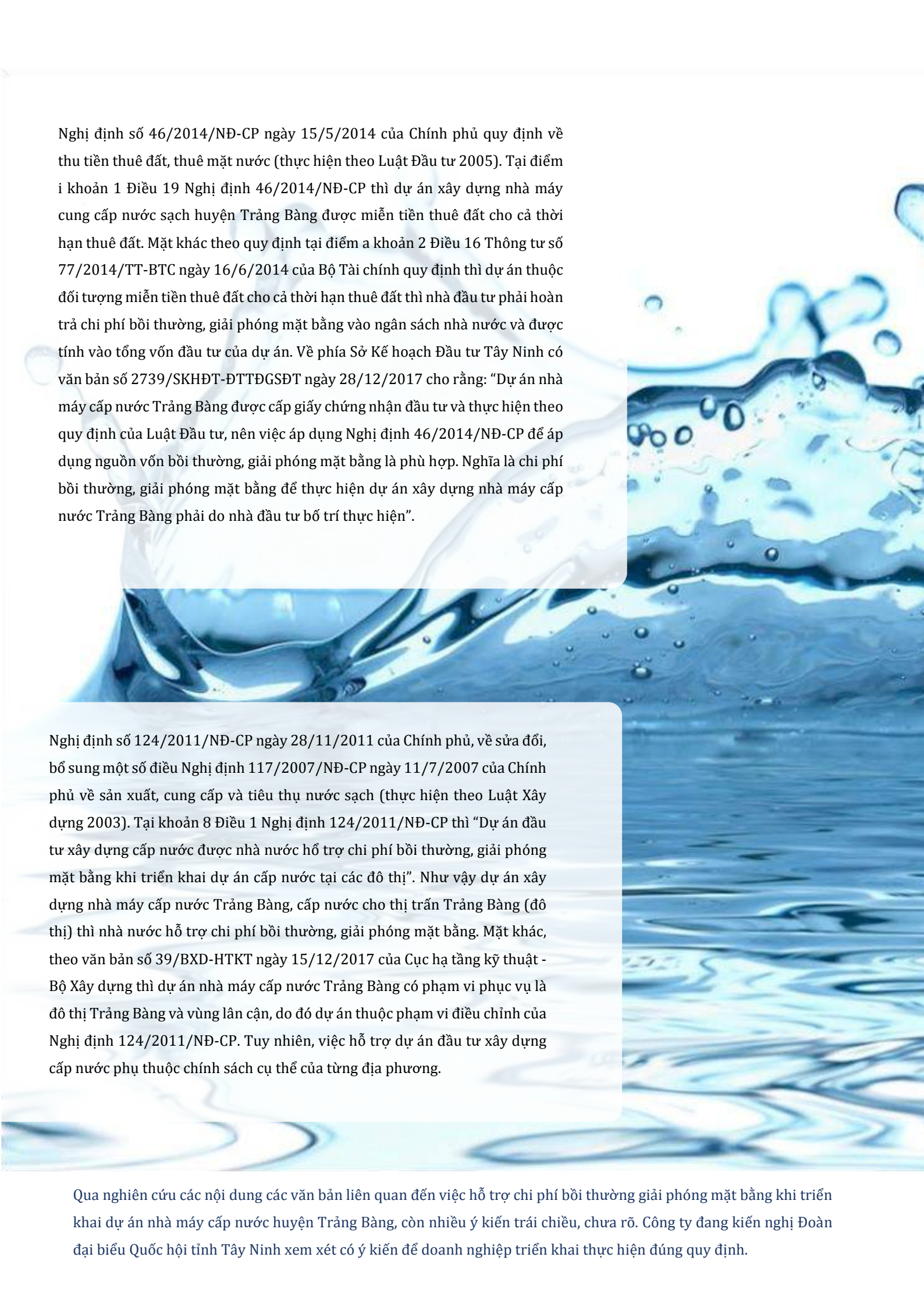


## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh đang triển khai thực hiện Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhà máy cung cấp nước sạch huyện Trảng Bàng, công suất giai đoạn 1: 30.000 m<sup>3</sup>/ngày. Tổng mức đầu tư hơn 246 tỷ đồng. Mục tiêu của dự án nhằm sản xuất và cung cấp nước sạch cho dân cư và các khu công nghiệp. Việc bố trí kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy có 2 nghị định của chính phủ quy định, cụ thể là:





Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (thực hiện theo Luật Đầu tư 2005). Tại điểm i khoản 1 Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP thì dự án xây dựng nhà máy cung cấp nước sạch huyện Trảng Bàng được miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê đất. Mặt khác theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính quy định thì dự án thuộc đối tượng miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê đất thì nhà đầu tư phải hoàn trả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng vào ngân sách nhà nước và được tính vào tổng vốn đầu tư của dự án. Về phía Sở Kế hoạch Đầu tư Tây Ninh có văn bản số 2739/SKHĐT-ĐTTĐGSĐT ngày 28/12/2017 cho rằng: “Dự án nhà máy cấp nước Trảng Bàng được cấp giấy chứng nhận đầu tư và thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, nên việc áp dụng Nghị định 46/2014/NĐ-CP để áp dụng nguồn vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng là phù hợp. Nghĩa là chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án xây dựng nhà máy cấp nước Trảng Bàng phải do nhà đầu tư bố trí thực hiện”.

Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/11/2011 của Chính phủ, về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (thực hiện theo Luật Xây dựng 2003). Tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 124/2011/NĐ-CP thì “Dự án đầu tư xây dựng cấp nước được nhà nước hỗ trợ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khi triển khai dự án cấp nước tại các đô thị”. Như vậy dự án xây dựng nhà máy cấp nước Trảng Bàng, cấp nước cho thị trấn Trảng Bàng (đô thị) thì nhà nước hỗ trợ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng. Mặt khác, theo văn bản số 39/BXD-HTKT ngày 15/12/2017 của Cục hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng thì dự án nhà máy cấp nước Trảng Bàng có phạm vi phục vụ là đô thị Trảng Bàng và vùng lân cận, do đó dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 124/2011/NĐ-CP. Tuy nhiên, việc hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng cấp nước phụ thuộc chính sách cụ thể của từng địa phương.

Qua nghiên cứu các nội dung các văn bản liên quan đến việc hỗ trợ chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng khi triển khai dự án nhà máy cấp nước huyện Trảng Bàng, còn nhiều ý kiến trái chiều, chưa rõ. Công ty đang kiến nghị Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh xem xét có ý kiến để doanh nghiệp triển khai thực hiện đúng quy định.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	10/03/2016 đến 31/12/2016	Năm 2017
1	Tổng tài sản	168.377	169.985
2	Doanh thu thuần	41.794	56.366
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	93	3.573
4	Lợi nhuận khác	75	(4)
5	Lợi nhuận trước thuế	168	3.569
6	Lợi nhuận sau thuế	168	2.905

Lưu ý: “Số liệu từ ngày 10 tháng 03 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016” là số liệu của 09 tháng nên không có tính so sánh với “số liệu năm 2017” là số liệu của 12 tháng trên Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ. Do đó, số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo.



## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	10/03/2016 đến 31/12/2016	Năm 2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	<b>1,06</b>
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,89	<b>0,79</b>
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	37,08	<b>36,07</b>
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	58,94	<b>56,42</b>
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,42	<b>8,23</b>
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,24	<b>0,33</b>
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,4	<b>5,15</b>
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,15	<b>2,71</b>
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,10	<b>1,71</b>
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,22	<b>6,34</b>

Lưu ý: “Số liệu từ ngày 10 tháng 03 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016” là số liệu của 09 tháng nên không có tính so sánh với “số liệu năm 2017” là số liệu của 12 tháng trên Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ. Do đó, số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo.



## TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 10.576.827 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.576.827 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000VND/cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



## Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 31/12/2017

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>5.500.000</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>52,00%</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>5.076.827</b>	<b>50.768</b>	<b>48%</b>
1	Cá nhân	1.373.827	13.738.270.000	35,01%
2	Tổ chức	3.703.000	37.030.000.000	12,99%
<b>III</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	
1	Cá nhân	-	-	
2	Tổ chức	-	-	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.576.827</b>	<b>105.768.270.000</b>	<b>100%</b>



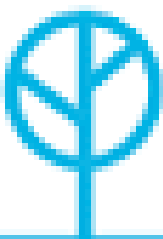
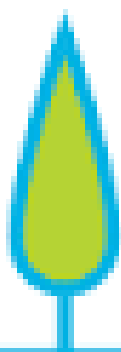
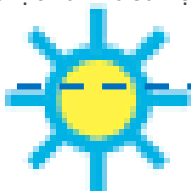
# TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty sử dụng các hóa chất xử lý nước như: Clo, PAC, phèn, vôi, ... cho quá trình xử lý nước để tạo ra nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và khách hàng. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp, nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng.

## Tiêu thụ năng lượng

Công ty tiêu thụ điện năng và nhiên liệu là dầu diesel để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh. Điện năng chiếm phần lớn trong chi phí sản xuất nhằm phục vụ cho quá trình vận hành các thiết bị và nhà máy nước. Dầu diesel chỉ được sử dụng để chạy máy phát điện khi cúp điện. Công ty chủ trương sử dụng hợp lý nguồn nguyên nhiên vật liệu và khuyến khích toàn thể Người lao động thực hành tiết kiệm trong sản xuất và đời sống.



## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn thực hiện các hoạt động sản xuất theo tiêu chuẩn của Hệ thống quản lý môi trường, các chính sách môi trường được xây dựng và triển khai nhằm hướng tới 3 mục tiêu chính:

- Tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam về môi trường (không có vi phạm và không có khiếu nại liên quan đến môi trường).
- Giảm thiểu rủi ro sự cố môi trường, tập trung vào ô nhiễm nguồn nước: nước mặt, nước ngầm.
- Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.



## Chính sách liên quan đến người lao động

Nguồn nhân lực đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của Công ty. Chính vì thế, hàng năm, Công ty luôn tích cực chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên. Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên được làm việc trong môi trường an toàn lành mạnh, được tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý, tham gia các chuyên đề nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực bản thân.



## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

### Trách nhiệm đối với môi trường

Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân. Do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để người dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho người dân. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền thường xuyên đến Công ty kiểm tra đã đánh giá Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh và môi trường.



### **Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng**

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, duy trì đều đặn các chính sách phúc lợi hàng năm, tạo điều kiện để người lao động thể hiện năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả đạt được cho thấy cán bộ công nhân viên có năng lực nghiệp vụ chuyên ngành phù hợp, với mục tiêu chính là xây dựng công ty ngày càng phát triển vững mạnh, tăng cường hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước. Mặt khác, thu nhập của người lao động trong những năm gần đây liên tục có sự cải thiện cũng góp phần tạo nên những điểm sáng về kết quả thực hiện mục tiêu đối với những người đã luôn gắn bó với Công ty vì mục tiêu phát triển chung.

Thời gian qua, Công ty đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động nhân đạo xã hội, từ thiện, đóng góp nhất định vào sự phát triển bền vững cũng như đem lại những lợi ích kinh tế xã hội cho địa phương như: hỗ trợ, tham gia các chương trình phát triển địa phương, tích cực tham gia phong trào phòng chống tệ nạn xã hội, góp phần xây dựng và phát triển văn minh đô thị.



# **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**



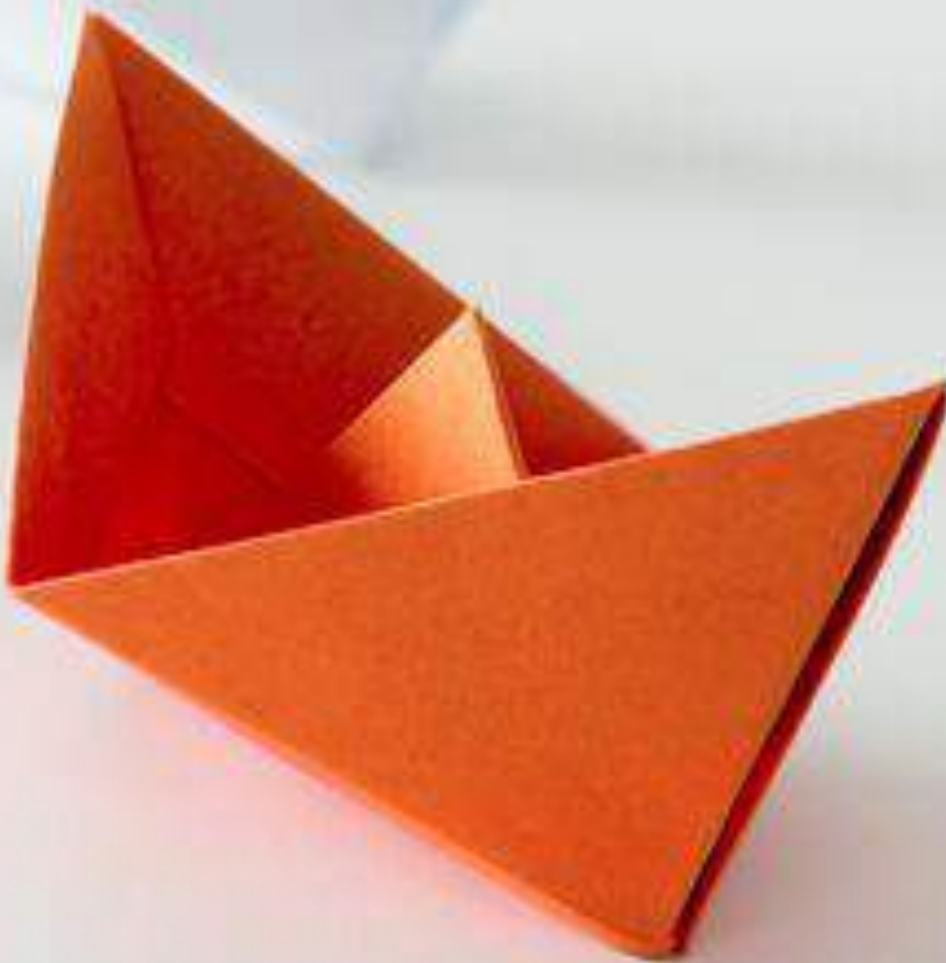
**Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tình hình tài chính**

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

**Kế hoạch phát triển trong tương lai**

**Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội của Công ty**



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Đặc điểm tình hình



“

- Công ty có hệ thống cấp nước đô thị trên 6/9 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Công suất thiết kế cung cấp nước sạch của Công ty là 30.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong đó: Nhà máy nước Tây Ninh (xử lý nước mặt) công suất 18.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, phục vụ cấp nước cho thành phố Tây Ninh, thị trấn Hòa Thành, thị trấn Châu Thành và một số vùng phụ cận; hệ thống cấp nước ở các huyện khai thác nước ngầm bao gồm: huyện Gò Dầu có hệ thống cấp nước công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm, huyện Trảng Bàng có hệ thống cấp nước: khu thị trấn Trảng Bàng có công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày và khu công nghiệp Trảng Bàng có công suất 4.200 m<sup>3</sup>/ngày, huyện Bến Cầu có hệ thống cấp nước 2.800 m<sup>3</sup>/ngày và huyện Châu Thành có hệ thống cấp nước 1.000 m<sup>3</sup>/ngày
- Đến 31/12/2018, Công ty quản lý và cấp nước cho khoảng 28.694 khách hàng với sản lượng tiêu thụ năm 2017 là 7.312.767 m<sup>3</sup>, trong đó đối tượng sử dụng nước sinh hoạt chiếm 67,55% (năm 2016: 67,73%); đối tượng cơ quan hành chính sự nghiệp chiếm 6,28% (năm 2016: 6,82%); đối tượng sản xuất vật chất chiếm 0,20% (năm 2016: 0,25%); khu công nghiệp chiếm 14,09% (năm 2016: 13,69%); đối tượng doanh nghiệp chiếm 9,06% (năm 2016: 8,92%); đối tượng kinh doanh dịch vụ chiếm 2,82 (năm 2016: 2,59%).



Trong năm 2017, tình trạng mưa bão không theo mùa xảy ra từ đầu năm đến cuối năm, tần suất cao và cường độ mạnh đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Chất lượng nước thô trong Hồ Dầu Tiếng theo Kênh Tây về Nhà máy xử lý nước có các chỉ tiêu độ màu, độ đục, mangan cao hơn mức bình thường của các năm trước, chất lượng nước thô thường xuyên không đạt và diễn biến bất thường gây khó khăn cho việc xử lý nước đạt tiêu chuẩn quy định;
- Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt giảm nhiều so với thời tiết nắng ráo;
- Công tác thi công công trình mở rộng mạng lưới cấp nước bị đình trệ, kéo dài thời gian do mưa nên nhiều công trình phải chuyển sang năm 2018 thi công.

Mặc dù đối mặt với khó khăn và thách thức, nhưng CBCNV trong Công ty đã rất nỗ lực đảm bảo cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho khách hàng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, ổn định sản xuất và đạt được kết quả hoạt động SXKD năm 2017 như sau:

**Nước sản xuất, nước tiêu thụ, tỷ lệ hao hụt, doanh thu nước máy:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH2017	TH2017	TH/KH
1	Nước sản xuất	m <sup>3</sup>	9.520.000	8.876.029	93,24%
2	Nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	7.630.000	7.312.767	95,84%
3	Tỷ lệ hao hụt	%	19,25	17,61	(1,64%)
4	Doanh thu nước trước thuế VAT	Tr.đ	57.471	55.130	95,93%

**Kết quả kinh doanh năm 2017:**

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Doanh thu		Chi phí		Lãi, lỗ	
	KH	TH	KH	TH	KH	TH
<b>Hoạt động SXKD nước</b>	<b>57.718</b>	<b>55.610</b>	<b>57.611</b>	<b>52.455</b>	<b>107</b>	<b>3.155</b>
• Nước máy	57.471	55.130	54.209	49.098	3.262	6.032
• Hoạt động tài chính	247	480	3.402	3.356	(3.155)	(2.877)
<b>Hoạt động KD khác</b>	<b>850</b>	<b>1.241</b>	<b>650</b>	<b>826</b>	<b>200</b>	<b>414</b>
• Dịch vụ công trình	850	1.236	650	818	200	418
• Khác	-	5	-	8	-	(4)
<b>Tổng cộng:</b>	<b>58.568</b>	<b>56.851</b>	<b>58.261</b>	<b>53.281</b>	<b>307</b>	<b>3.569</b>



Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Chỉ tiêu	Chủng loại - Chiều dài ống (mét)									GT công trình		
		Ống PVC			Ống HDPE						Tổng chiều dài	GT dự toán	GT quyết toán
		D200	D150	D100	D250	D168	D110	D63	D32				
<b>A</b>	<b>Kế hoạch XDCB 2017</b>	<b>1.200</b>	<b>15.680</b>	<b>27.000</b>	<b>25</b>	<b>32</b>	<b>622</b>	<b>37.618</b>	<b>-</b>	<b>82.277</b>	<b>44</b>	<b>-</b>	
<b>I</b>	<b>Tuyển ống cấp nước</b>	<b>1.200</b>	<b>15.680</b>	<b>27.000</b>	<b>25</b>	<b>32</b>	<b>622</b>	<b>37.618</b>	<b>-</b>	<b>82.277</b>	<b>35</b>	<b>-</b>	
<b>II</b>	<b>Mua sắm MMTB, dụng cụ quản lý</b>										<b>10</b>	<b>-</b>	
<b>B</b>	<b>Thực hiện XDCB 2017</b>		<b>4.872</b>	<b>14.635</b>	<b>24</b>	<b>204</b>	<b>849</b>	<b>26.781</b>	<b>140</b>	<b>47.505</b>	<b>-</b>	<b>8.609</b>	
<b>I</b>	<b>Tuyển ống cấp nước</b>		<b>4.872</b>	<b>14.635</b>	<b>24</b>	<b>204</b>	<b>849</b>	<b>26.781</b>	<b>140</b>	<b>47.505</b>	<b>-</b>	<b>7.227</b>	
1	Huyện Hòa Thành	-	-	1.587	-	-	-	15.050	-	16.637	-	2.170	
2	Thành phố	-	1.800	8.578	-	122	27	4.277	140	14.944	-	2.786	
3	Huyện Châu Thành	-	-	-	-	-	-	4.424	-	4.424	-	538	
4	Huyện Bến Cầu	-	3.072	1.431	24	82	234	350	-	5.193	-	663	
5	Huyện Trảng Bàng	-	-	3.030	-	-	588	1.140	-	4.758	-	892	
6	Huyện Gò Dầu	-	-	-	-	-	752	1.580	-	1.580	-	178	
<b>II</b>	<b>Mua sắm MMTB, dụng cụ quản lý</b>											<b>1.382</b>	
1	Xe cuốc 0,2 m <sup>3</sup>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	216	
2	Xe cuốc 0,25 m <sup>3</sup>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	
3	Mái che cụm xử lý 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	129	
4	Khoan giếng Trạm Bến Cầu công suất 55 - 70 m <sup>3</sup> /h											737	

**Thực hiện công tác chuyên môn và quản lý**

- Chấp hành đúng quy định về sổ sách kế toán, quản lý tài chính chặt chẽ, tiết kiệm; sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả, bảo toàn nguồn vốn; tuân thủ chế độ báo cáo tài chính công khai, minh bạch; hạch toán, kê khai thuế đúng đủ và kịp thời.
- Xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; quản lý giá vật tư, lượng tồn kho hợp lý; giám sát chặt chẽ các hợp đồng kinh tế.
- Tháng 8/2017, Đội Xây lắp được hình thành và đi vào hoạt động đã đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình của Công ty. Chi phí nhân công khoán cho Đội Xây lắp theo tỷ lệ hợp lý làm giảm rất lớn giá trị quyết toán các công trình.
- Xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, quy chế phối hợp phục vụ cho công tác điều hành hoạt động của Công ty.



## Tình hình tài chính

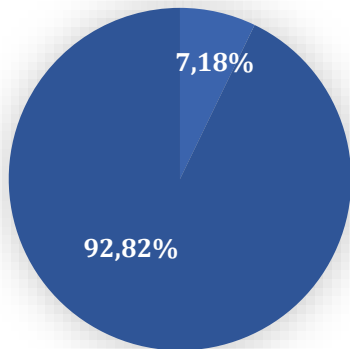
### Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	10/03/ 2016 – 31/12/2016	Năm 2017	Tỷ trọng 10/3/2016 – 31/12/2016	Tỷ trọng năm 2017
Tài sản ngắn hạn	12.083	16.965	7,18%	9,98%
Tài sản dài hạn	156.295	153.020	92,82%	90,02%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>168.377</b>	<b>169.985</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

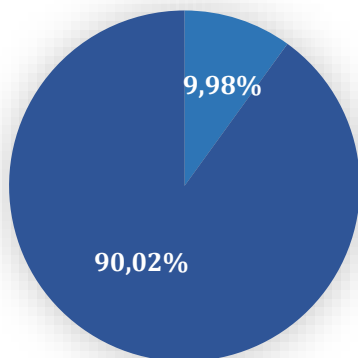
Lưu ý: “Số liệu từ ngày 10 tháng 03 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016” là số liệu của 09 tháng nên không có tính so sánh với “số liệu năm 2017” là số liệu của 12 tháng trên Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ. Do đó, số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo.

10/3/2016 - 31/12/2016



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Năm 2017



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Công ty vẫn giữ nguyên cơ cấu sử dụng tài sản ngắn hạn rất thấp so với tài sản dài hạn. Với đặc thù ngành nghề xử lý và cung cấp nước sạch nên giá trị tài sản cố định luôn duy trì ở mức cao. Bên cạnh đó, dự án Nhà máy cấp nước sạch huyện Trảng Bàng và các công trình đặt tuyến ống nước tại địa bàn tỉnh Tây Ninh góp phần làm tăng các khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang.



ĐVT: Đồng

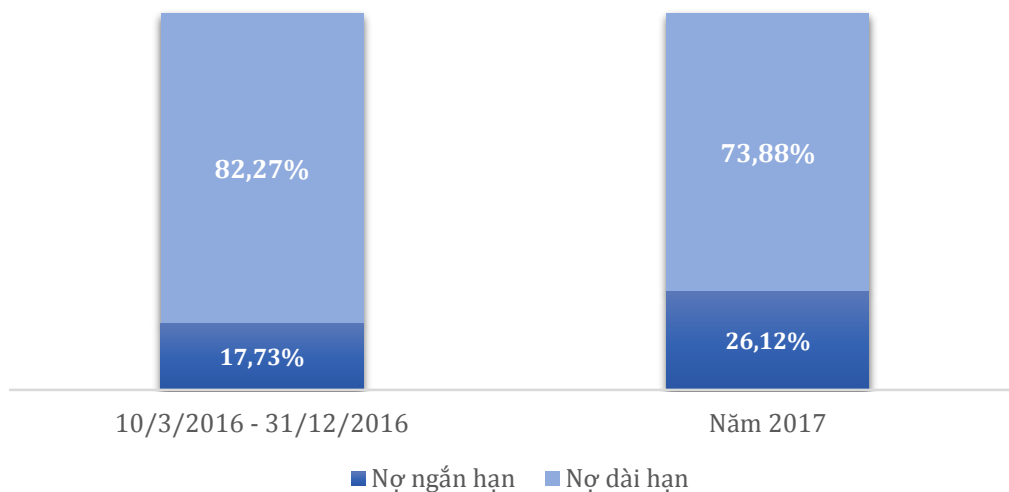
Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	131.691.175.671	47.802.025.839	36,30%
Máy móc thiết bị	24.695.437.587	9.866.282.053	39,35%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	200.328.740.349	84.006.737.328	41,93%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	547.848.364	268.637.611	49,04%
<b>Cộng</b>	<b>357.263.201.971</b>	<b>141.943.682.831</b>	<b>39,73%</b>
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phần mềm máy vi tính	395.195.906	194.762.562	49,28%
Quyền khảo sát địa hình địa chất mẫu nước (ADB)	558.258.658	116.658.847	58,20%
<b>Cộng</b>	<b>953.454.564</b>	<b>311.421.409</b>	<b>32,66%</b>



Chỉ tiêu	10/3/2016 - 31/12/2016	Năm 2017	Tỷ trọng 10/3/2016 - 31/12/2016	Tỷ trọng năm 2017
Nợ ngắn hạn	11.071	16,016	17,73%	26,12%
Nợ dài hạn	51.370	45,296	82,27%	73,88%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>62.441</b>	<b>61,311</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Lưu ý: “Số liệu từ ngày 10 tháng 03 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016” là số liệu của 09 tháng nên không có tính so sánh với “số liệu năm 2017” là số liệu của 12 tháng trên Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ. Do đó, số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo.

#### Cơ cấu nợ phải trả



Công ty sử dụng chủ yếu là các khoản vay dài hạn, nhằm bổ sung nguồn vốn phục vụ cho dự án Nhà máy cấp nước sạch huyện Trảng Bàng và các công trình đặt tuyến ống nước tại địa bàn tỉnh Tây Ninh. Theo đó, nợ vay ngắn hạn và nợ vay dài hạn trong năm 2017 của Công ty lần lượt chiếm 26,12% và 73,88% trên tổng nợ phải trả.

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### Công tác quản lý sản xuất

- Thực hiện đánh giá đúng về triển vọng phát triển cấp nước trên địa bàn để đưa ra kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;
- Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế;
- Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật Tài nguyên nước;

### Công tác quản lý phát triển khách hàng

- Công tác thi công công trình được thực hiện ngay từ đầu năm 2018 những công trình năm 2017 chuyển sang, công trình đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước trong năm 2018;
- Thực hiện tốt các dịch vụ chăm sóc khách hàng và xác định đối tượng sử dụng giá nước hợp lý;
- Hoàn chỉnh chương trình quản lý mạng lưới cấp nước online; xây dựng chương trình quản lý trạng thái nước online các khu vực có nước cấp của Công ty và những khu vực dự kiến phát triển mạng lưới cấp nước;
- Cải tiến công tác ghi chỉ số đồng hồ nước từ sổ tay sang điện thoại di động, công tác thu tiền nước trên hóa đơn giấy tại nhà khách hàng sang hình thức hóa đơn điện tử kết hợp bổ sung hình thức thu tiền nước online qua hệ thống ngân hàng, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.



### Công tác quản lý nguồn nhân lực

- Tiếp tục củng cố, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành theo hướng gọn nhẹ, đảm bảo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, kỹ sư và chuyên viên giỏi có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao;
- Chú trọng nâng cao năng lực cho người lao động và cán bộ quản lý trong Công ty. Tổ chức cho CBCNV tham gia các chương trình tập huấn, đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn và các kỹ năng khác. Các cán bộ kỹ thuật phải tham gia thi đổi hoặc cấp chứng chỉ hành nghề đảm bảo theo quy định

### Công tác quản lý giảm thất thoát nước

Chống thất thoát nước là một trong những mục tiêu chủ yếu mà Công ty đặt ra trong kế hoạch phát triển hàng năm. Cụ thể như sau:

- Tăng cường quản lý đồng hồ nước, lựa chọn loại đồng hồ đạt tiêu chuẩn cao, thực hiện kiểm định ban đầu và kiểm định định kỳ; thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định; đầu tư thiết bị hiện đại để tăng cường rà soát, kiểm tra chống thất thoát qua tuyến ống truyền tải, ống nước cấp và đầu nối đồng hồ nước;
- Các phòng ban trong Công ty phối hợp với các đơn vị sản xuất tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, tìm ra các phương án phù hợp với hiện trạng cấp nước từng khu vực đang quản lý để giảm tỷ lệ thất thoát nước;
- Xây dựng chương trình phối hợp cộng đồng dân cư trong việc chống thất thoát nước.

## Công tác quản lý tài chính

Sử dụng triệt để nguồn vật tư chậm thanh toán (12 đến 24 tháng có cạnh tranh giá) của các đơn vị cung cấp vật tư cho Công ty và kết hợp nguồn vốn hiện có của Công ty để đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Tây Ninh. Huy động vốn từ các cổ đông và các nguồn vốn khác để khởi công xây dựng Nhà máy nước Trảng Bàng.



# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Với những khó khăn của năm 2017 còn đọng lại, năm 2018 là năm thứ ba hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, thuận lợi và thách thức đan xen, Công ty tiếp tục tập trung mở rộng mạng lưới cấp nước, thực hiện các giải pháp nâng công suất Nhà máy xử lý nước, khởi công xây dựng Nhà máy nước Trảng Bàng nhằm đáp ứng nhu cầu nước sạch ngày càng tăng của khách hàng, khai thác tối đa năng lực cung cấp nước, giảm giá thành và tăng hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

Ban lãnh đạo Công ty sẽ tập trung lãnh đạo và tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018
1	Nước sản xuất	m <sup>3</sup>	9.303.078
2	Nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	7.680.000
3	Tỷ lệ hao	%	17,54%
4	Tổng doanh thu	Đồng	61.299.712.000
	• Doanh thu nước máy	Đồng	59.879.371.469
	• Doanh thu tài chính	Đồng	500.000.000
	• Dịch vụ công trình	Đồng	1.300.000.000
5	Tổng chi phí	Đồng	58.069.383.000
	• Chi phí nước máy	Đồng	57.169.383.000
	• Chi phí dịch vụ công trình	Đồng	900.000.000
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	3.609.988.469
7	Tổng quỹ lương	Đồng	12.964.607.040
	• Quỹ lương Người lao động	Đồng	11.473.007.040
	• Quỹ lương Viên chức quản lý	Đồng	1.496.600.000

## Công tác đầu tư

Tổng dự toán công trình XDCB năm 2018: 31.751.209.000 đồng

Trong đó:

Tổng dự toán các công trình khảo sát - thiết kế trong năm 2017 và triển khai thi công trong năm 2018: 12.420.209.000 đồng.

Trọng tâm thực hiện các công trình chủ yếu như sau:

- Khởi công xây dựng Nhà máy nước Trảng Bàng công suất giai đoạn I 30.000 m<sup>3</sup>/ngày;
- Lắp đặt hệ thống ống lắng lamen tải trọng cao cụm xử lý nước số 1 và hệ thống hút bùn cụm xử lý nước số 2 của Nhà máy nước Tây Ninh để đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn 01/QC-BYT của Bộ y tế;
- Thi công lắp đặt 106.206 m tuyến ống cấp nước các loại.





### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong năm qua, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường. Cụ thể, Công ty luôn có các phương án xử lý đối với từng loại chất thải khác nhau.

Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của công nhân nhà máy từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý trước khi thải vào môi trường tiếp nhận.

Đối với khí thải: Hoạt động sản xuất chủ yếu tiêu thụ điện năng nên không thải ra khí thải. Đối với máy phát điện, chỉ sử dụng khi cúp điện đột xuất hay có thông báo của điện lực, nên nguồn phát sinh khí thải không đáng kể. Khi máy phát điện hoạt động có thải khí và ống thải khí được bố trí nằm giữa khuôn viên rộng lớn của nhà máy nên không ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh khu dân cư. Bên cạnh đó, nhà máy được trồng rất nhiều cây xanh xung quanh nên khí thải được xử lý thông qua nhiều lớp cây xanh.

Đối với rác thải do sinh hoạt: của cán bộ nhân viên nhà máy được thu gom cho vào các thùng riêng biệt, trong thùng có lót bọc tránh rơi rớt trong quá trình vận chuyển, để cách xa khu vực ăn uống, nhà dân lân cận.

Do đặc thù của ngành cấp nước là khai thác, sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt nên chất thải nguy hại gần như không đáng kể. Tuy nhiên, Công ty vẫn có những quy định để xử lý những loại chất thải này. Các chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính nhớt trong quá trình sửa chữa sự cố máy bơm và các bóng đèn huỳnh quang bị hư. Các chất thải nguy hại này đều được tập trung vào một chỗ tại Nhà máy để tìm đơn vị thu gom và xử lý.

### **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Việc trả lương, trả thưởng cho từng cá nhân, từng bộ phận căn cứ vào năng lực làm việc và quy định của Công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất làm việc, hoàn thành tốt công việc theo chức danh và đóng góp quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty luôn cố gắng đảm bảo đời sống cho người lao động yên tâm công tác, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật lao động về lương thưởng và các chế độ cho người lao động.

Hiện nay Công ty đang xây dựng thang, bảng lương mới theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội, hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Hàng năm, thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động và cán bộ quản lý; Đào tạo nâng cao tay nghề, nâng cao năng lực quản lý, phát huy tiềm lực sẵn có của người lao động...

Để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài, công ty sẽ xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ, công nhân viên và quan tâm nhiều hơn đến cán bộ công nhân viên có năng lực. Bên cạnh đó, công ty cũng luôn tạo ra cơ chế linh hoạt để làm động lực cho cán bộ công nhân viên rèn luyện phấn đấu vươn lên để trở thành những cán bộ chủ chốt của Công ty.

Lấy người lao động là yếu tố quan trọng trong sự phát triển của Công ty, luôn đề cao việc đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên giỏi, có kinh nghiệm ở một số vị trí quan trọng.

### **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Hoạt động trong nhóm ngành an sinh xã hội, Công ty luôn nhận thức được vai trò đối với đời sống người dân và môi trường sống trong địa bàn Công ty hoạt động. Ban Giám đốc luôn chỉ đạo tập thể người lao động phải thực hiện nghiêm túc các cam kết về chất và lượng đối với nguồn nước Công ty cung cấp.

Ngoài ra, Công ty luôn đảm bảo sử dụng và bảo quản hóa chất xử lý nước theo đúng quy cách nhằm tránh gây thất thoát ra ngoài, ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực tham gia vào các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường nước, thực hành tiết kiệm nước và nâng cao nhận thức của người dân về tình trạng biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện chia sẻ trách nhiệm xã hội với cộng đồng thông qua các hoạt động thiện nguyện, hoạt động tình nguyện, hỗ trợ các dự án hướng đến cải thiện chất lượng cuộc sống cộng đồng.

# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.**

**Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị**



# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Đặc điểm tình hình

Năm 2017 là năm thứ 2, Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2017 của Đại hội đồng cổ đông. Năm 2017 tình hình hoạt động SXKD ổn định, đảm bảo phục vụ cấp nước cho các khách hàng hiện hữu. Kết quả SXKD có lợi nhuận đạt 2,9 tỷ đồng.

Cổ phần hóa giúp Công ty có nhiều chủ sở hữu, tạo điều kiện để người lao động thực sự làm chủ doanh nghiệp và có cơ chế quản lý năng động linh hoạt:



- Chủ sở hữu trong Công ty bao gồm Nhà nước, người lao động trong Công ty, cổ đông ngoài Công ty. Công ty tập trung nguồn lực mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng tăng doanh thu. Chú trọng chất lượng nước, từng bước ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý sản xuất kinh doanh.
- Khi đã trở thành cổ đông, quyền lợi và trách nhiệm của người lao động gắn chặt với sự tồn tại và phát triển của Công ty, do vậy họ có trách nhiệm với Công ty hơn. Từ đó kết quả SXKD của Công ty mới đạt hiệu quả.
- Bộ máy quản lý của Công ty được bố trí gọn nhẹ thực sự là đại diện cho cổ đông. Mọi hoạt động của công ty được tiến hành theo Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty. Từng bước rà soát lại và xây dựng quy chế tài chính, lao động, tuyển dụng; xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của ban lãnh đạo và cổ đông, tổ chức hợp lý các bộ phận kinh doanh. Xây dựng chiến lược đầu tư nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

#### **Công tác thoái vốn**

- Thực hiện Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh, ban hành kế hoạch thoái vốn nhà nước giai đoạn 2017 – 2020.
- Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-CTN-HĐQT ngày 29/12/2017 về việc thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty với nội dung: Năm 2018: Thoái vốn nhà nước 17% vốn điều lệ (từ 52% vốn điều lệ xuống còn 35% vốn điều lệ). Thời gian thực hiện quý I/2018 (trước Đại hội đồng cổ đông thường niên tháng 4 năm 2018). Thời gian chốt số liệu tài chính xác định giá trị doanh nghiệp là 31/12/2017.

#### **Công tác quản lý điều hành của HĐQT:**

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện các nội Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/6/2017.
- Chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở Ban giám đốc triển khai thực hiện các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm để hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017.
- Trong năm 2017, HĐQT đã ban hành các văn bản về những vấn đề thực hiện tái cơ cấu tổ chức bộ máy.
- Thực hiện công tác upCOM, đưa cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán HOSE với mã chứng khoán là WTN.
- Giám sát chặt chẽ công tác quản lý điều hành của Ban giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định công ty đại chúng.
- Công tác quản trị tài chính, được HĐQT chú trọng, việc kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động SXKD, XDCB thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch.

Trong năm 2017 tập thể Người Lao động đoàn kết thống nhất ý chí thực hiện các giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 qua bảng số liệu

**Kết quả sản xuất, kinh doanh thực hiện năm 2017 so với kế hoạch:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH Năm 2017	TH Năm 2017	%TH/KH Năm 2017
1	Nước sản xuất	m <sup>3</sup>	9.520.000	8.876.029	93,24%
2	Nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	7.630.000	7.312.767	95,84%
3	Tỷ lệ hao	%	19,85	17,61	-2,24%
4	Tổng Doanh thu	1.000đ	58.320.561	56.366.157	96,65%
-	DT nước máy	1.000đ	57.470.561	55.130.068	95,93%
-	DT dịch vụ công trình	1.000đ	850.000	1.236.089	145,42%
5	Tổng quỹ lương	1.000đ	12.754.263	12.416.061	97,35%
-	CBQL	1.000đ	1.356.000	1.491.600	110,00%
-	NLĐ	1.000đ	11.398.263	10.924.462	95,84%
6	Tổng nhân lực	Người	137	134	97,81%
7	Thu nhập BQNLĐ	đ/ng/th	6.933.250	7.764.600	111,99%
8	Nộp ngân sách	1.000đ		6.724.982	-
9	Phát triển KH	Hộ	2.700	3.116	115,41%
10	Thay thế ĐH	Cái	6.655	3.737	56,15%
11	Tổng tài sản	Tr.đ		169.985	-
12	Lợi nhuận	Tr.đ		2.905	-

## Các chỉ tiêu hoạt động của các bộ phận trực thuộc

### • Nước sản xuất

ĐVT: m<sup>3</sup>

STT	Bộ phận	KH Năm 2017	TH Năm 2017	%TH/KH Năm 2017
1	Nhà máy nước	6.200.000	5.710.632	92,11%
2	Trạm Gò Dầu	920.000	842.894	91,62%
3	Trạm Trảng Bàng	1.500.000	1.407.629	93,84%
4	Trạm Bến Cầu	900.000	914.874	101,65%
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.520.000</b>	<b>8.876.029</b>	<b>93,24%</b>

### • Nước tiêu thụ

ĐVT: m<sup>3</sup>

STT	Bộ phận	KH Năm 2017	TH Năm 2017	%TH/KH Năm 2017
1	Nhà máy nước	4.836.000	4.534.012	93,76%
2	Trạm Gò Dầu	772.000	777.596	100,72%
3	Trạm Trảng Bàng	1.260.000	1.275.226	101,21%
4	Trạm Bến Cầu	762.000	725.933	95,27%
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.630.000</b>	<b>7.312.767</b>	<b>95,84%</b>





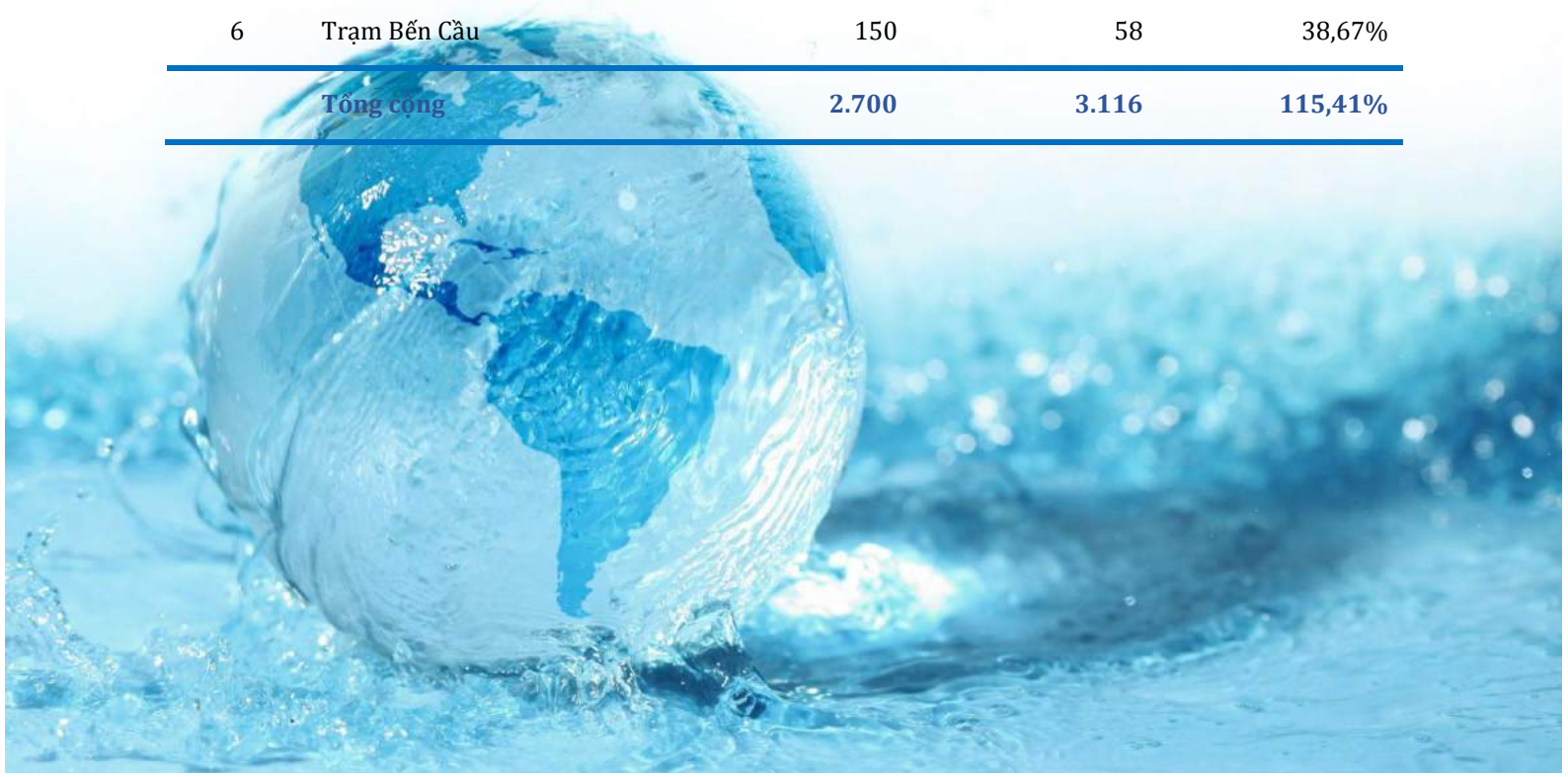
- Tỷ lệ hao**

STT	Bộ phận	KH Năm 2017	TH Năm 2017	Tỷ lệ hao hụt tăng/giảm
1	Nhà máy nước	22,00%	20,60%	-1,40%
2	Trạm Gò Dầu	16,09%	7,75%	-8,34%
3	Trạm Trảng Bàng	16,00%	9,41%	-6,59%
4	Trạm Bến Cầu	15,33%	20,65%	+5,32%
<b>Tổng cộng</b>		<b>19,85%</b>	<b>17,61%</b>	<b>-2,24%</b>

- Phát triển khách hàng**

ĐVT: Hộ

STT	Bộ phận	KH Năm 2017	TH Năm 2017	%TH/KH Năm 2017
1	Đội QLTC TP	840	1.035	123,21%
2	Đội QLTC HT	650	1.069	164,46%
3	Trạm Châu Thành	550	572	104,00%
4	Trạm Gò Dầu	260	274	105,38%
5	Trạm Trảng Bàng	250	108	43,20%
6	Trạm Bến Cầu	150	58	38,67%
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.700</b>	<b>3.116</b>	<b>115,41%</b>



- **Thay thế đồng hồ đo nước**

STT	Bộ phận	KH Năm 2017	TH Năm 2017	%TH/KH Năm 2017
1	Đội QLTC TP	3.070	991	32,28%
2	Đội QLTC HT	1.496	707	47,26%
3	Trạm Châu Thành	1.458	1.398	95,88%
4	Trạm Gò Dầu	437	445	101,83%
5	Trạm Trảng Bàng	100	83	83,00%
6	Trạm Bến Cầu	94	113	120,21%
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.655</b>	<b>3.737</b>	<b>56,15%</b>

#### **Tổng hợp quyết toán các hạng mục công trình Xây dựng cơ bản trong năm 2017**

Tổng chiều dài phát triển: 45.030 mét. Đạt tỷ lệ 53,74% theo kế hoạch (45.030m/82.277m).

Trong đó:

- Ống PVC D150: 4.138 mét
- Ống PVC D100: 13.220 mét
- Ống HDPE D63: 27.385 mét
- Ống HDPE D32: 287 mét

Tổng mức đầu tư: 9.440.002.000 đồng (Chín tỷ bốn trăm bốn mươi triệu không trăm linh hai nghìn đồng). Đạt tỷ lệ 21,26% theo kế hoạch (9.440.002.000 đồng/44.408.000.000 đồng)

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Ban Giám đốc có một năm làm việc hiệu quả khi điều hành và chỉ đạo việc thực hiện kết quả kinh doanh đạt hiệu quả tốt. Ban Giám đốc triển khai thực hiện công tác theo đúng pháp luật và điều lệ Công ty quy định, nghiêm túc thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị nhằm đưa hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển theo đúng định hướng đề ra, đảm bảo lợi ích cổ đông.

Ban Giám đốc luôn nhận thức rõ về các điểm mạnh và điểm yếu của Công ty, đồng thời cập nhật những biến động trong môi trường kinh doanh nhằm phân tích và đưa ra chỉ đạo hợp lý. Các thành viên Ban Giám đốc luôn thực hiện công việc với quyết tâm cao, chỉ đạo các bộ phận phòng ban chức năng nhằm tối đa hóa hiệu quả công việc. Ban Giám đốc thường xuyên thực hiện báo cáo tình hình định kỳ với Hội đồng quản trị, tham mưu ý kiến với Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý các tình huống bất ngờ, đột xuất.

Ban Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, chi trả lương thưởng và các chế độ phúc lợi xã hội đầy đủ và kịp thời, chú trọng xây dựng mối quan hệ tốt với tập thể người lao động trong Công ty.



# KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Xác định năm 2018 sẽ là một năm có nhiều cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Hội đồng quản trị quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2018. Hội đồng quản trị luôn quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông. Hội đồng quản trị xác định một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản trị trong năm 2018 như sau:



- Duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Bám sát thực hiện thành công những định hướng của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018.
- Quản lý vốn đầu tư theo hướng trách nhiệm hiệu quả, luôn đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động kinh doanh. Tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.
- Chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh lao động. Giữ vững An ninh trật tự, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại địa bàn hoạt động.
- Tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng trình độ đội ngũ Cán bộ Công nhân viên đảm bảo yêu cầu công việc, tổ chức sắp xếp lại bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu quả. Xây dựng đội ngũ nhân sự vừa có năng lực chuyên môn vừa có tác phong chuyên nghiệp để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

## Giải pháp thực hiện

### Giải pháp về cơ cấu nguồn vốn

- Thực hiện công tác thoái vốn nhà nước 17%.
- Kế hoạch tài chính 2018 đáp ứng các nhu cầu phát triển của Công ty.
- Kế hoạch phát hành vốn.

### Giải pháp về công nghệ

- Triển khai áp dụng hóa đơn điện tử.
- Lập bản đồ quản lý nguồn nước.
- Cải tạo nâng cấp nhà máy nước.
- Triển khai xây dựng cơ chế quản lý ISO
- Tiếp tục khai thác e-offic đạt hiệu quả.

### Giải pháp về quản trị

- Xây dựng và ban hành các quy chế.
- Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu.

### Giải pháp lãnh đạo, quản lý, điều hành.

- Triển khai thi công các tuyến ống phân phối từ nguồn vốn KHCB, và khai thác khách hàng trên các tuyến ống đã lắp đặt trước đây để nâng cao sản lượng nước tiêu thụ và doanh thu. Tập trung xem xét mở rộng các tuyến ống vào các hẻm khu dân cư với mô hình Công ty và khách hàng hợp tác.
- Triển khai thực hiện dự án nhà máy cung cấp nước sạch Trảng Bàng.
- Tiếp tục thực hiện công tác chống thất thoát nước. Triển khai chương trình quản lý mạng lưới cấp nước.
- Triển khai thực hiện cấp nước an toàn.
- Thực hiện công tác khoán lương.

### Giải pháp về chất lượng và giá nước.

Chất lượng nước máy phục vụ khách hàng đạt QCVN 01/2009/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống” ban hành theo Thông tư 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế và với áp lực tốt nhất, chất lượng nước cấp đảm bảo, lượng nước cấp liên tục và ổn định.

Phối với các sở, ban ngành xây dựng lộ trình giá nước.

Công ty cố gắng nỗ lực hết mình đạt được mục tiêu tăng trưởng về sản lượng, doanh thu, hiệu quả kinh doanh, đảm bảo lợi ích lâu dài cho quý vị cổ đông vì sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.



# BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



**Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**

**Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

**Ban kiểm soát**

**Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của  
HĐQT, BGD và BKS**





# DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại ngày 31/12/2017

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện và sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trịnh Thành Nghiêm	Chủ tịch HĐQT	2.530.279	23,92%
2	Ông Nguyễn Thế Bảo	Thành viên HĐQT, Giám đốc	1.974.000	18,66%
3	Ông Thái Trường Giang	Thành viên HĐQT	3.703.000	35,01%



## Ông TRỊNH THÀNH NGHIÊM

Ngày sinh	10/9/1960
Nơi sinh	Kiên Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	136 Đường 30/4, KP4, P3, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế - chuyên ngành Kinh tế phát triển
Quá trình công tác	
<ul style="list-style-type: none"><li>02/1980 – 7/1987</li></ul>	Công nhân kỹ thuật bậc 2/7 – 5/7 Xí nghiệp Cấp nước Tây Ninh
<ul style="list-style-type: none"><li>8/1987 – 3/1991</li></ul>	Phó Quản Đốc – Quản Đốc phân xưởng Cơ khí Xí Nghiệp Cấp nước Tây Ninh
<ul style="list-style-type: none"><li>3/1991 – 10/1994</li></ul>	Phó Giám đốc Xí nghiệp Cấp nước Tây Ninh
<ul style="list-style-type: none"><li>10/1994 – 3/2016</li></ul>	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh
<ul style="list-style-type: none"><li>3/2016 đến nay</li></ul>	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	2.530.279 cổ phiếu, chiếm 23,92% vốn điều lệ
<ul style="list-style-type: none"><li>Cá nhân sở hữu</li></ul>	55.279 cổ phiếu, chiếm 0,52% vốn điều lệ
<ul style="list-style-type: none"><li>Đại diện sở hữu cho UBND tỉnh Tây Ninh</li></ul>	2.475.000 cổ phiếu, chiếm 23,4% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	Không.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	
<ul style="list-style-type: none"><li>UBND tỉnh Tây Ninh</li></ul>	Sở hữu: 5.500.000 cổ phiếu, chiếm 52% vốn điều lệ.
<ul style="list-style-type: none"><li>Trịnh Ngọc Lan</li></ul>	(Em ruột) Sở hữu: 6.700 cổ phiếu, chiếm 0,06% vốn điều lệ.
<ul style="list-style-type: none"><li>Trịnh Văn Minh</li></ul>	(Em ruột) Sở hữu: 2.100 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
<ul style="list-style-type: none"><li>Trịnh Thành Luân</li></ul>	(Con) Sở hữu: 10.468 cổ phiếu, chiếm 0,1% vốn điều lệ.
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.
Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có





## Ông NGUYỄN THẾ BẢO

Thông tin đã được nêu trong Phần Ban điều hành



## Ông THÁI TRƯỜNG GIANG

Ngày sinh	24/10/1972
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	10/43 PK Hiệp Nghĩa, P. Hiệp Ninh, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân khoa học
Quá trình công tác	
<ul style="list-style-type: none"><li>• 1999 - 2007</li><li>• 2008 - nay</li><li>• 3/2016 đến nay</li></ul>	<p>Cán bộ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh</p> <p>Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Hải Đăng</p> <p>Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh</p>



**Chức vụ hiện nay tại Công ty**

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác**

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay**

- Cá nhân sở hữu
- Đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Hải Đăng

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay**

**của những người có liên quan:**

- CTCP Hải Đăng

**Các khoản nợ đối với Công ty**

**Thù lao và các khoản lợi ích khác**

**Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng**

**Hành vi vi phạm pháp luật**

Thành viên Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Hải Đăng

3.703.000 cổ phiếu, chiếm 35,01% vốn điều lệ

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

3.703.000 cổ phiếu, chiếm 35,01% vốn điều lệ

Sở hữu: 3.703.000 cổ phiếu, chiếm 35,01% vốn điều lệ.

Không

Theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

Không có

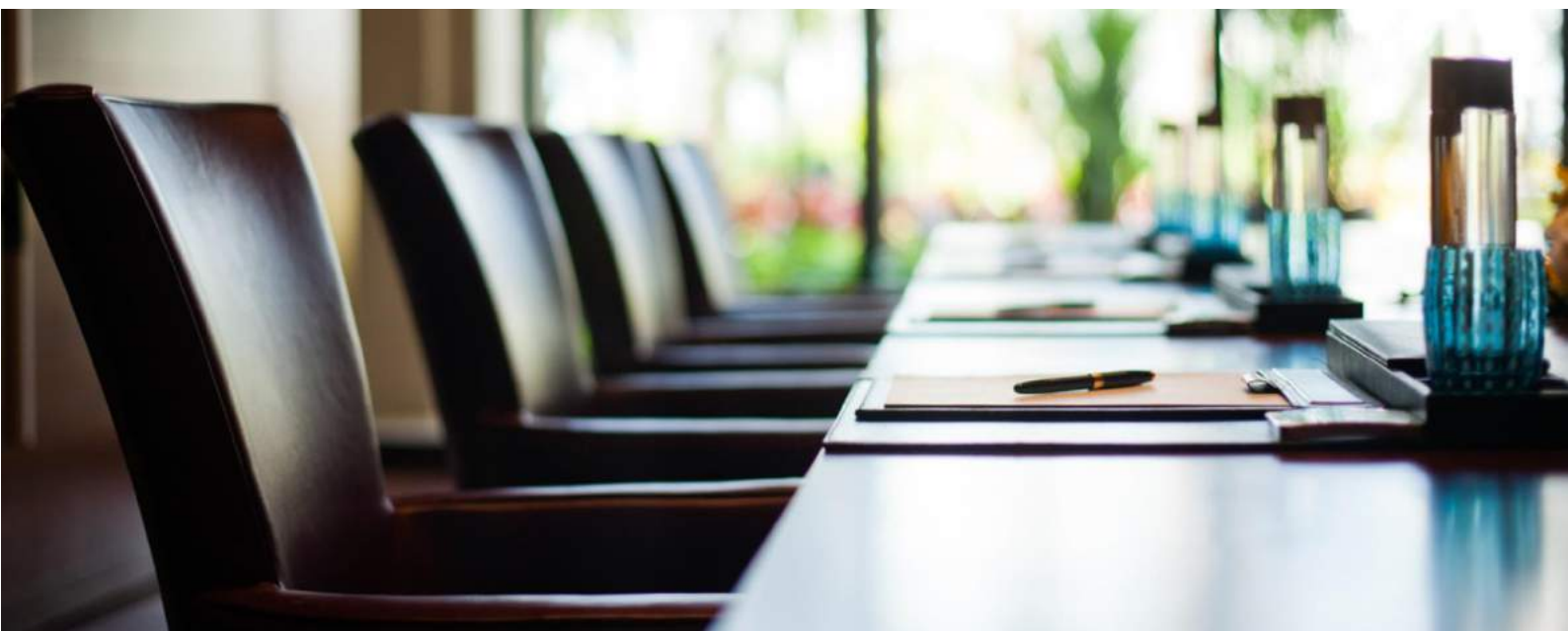
Không có



## CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, HĐQT đã có 4 phiên họp định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị, chỉ đạo. Ngoài ra HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp các thành viên HĐQT, các thành viên BKS tham dự đầy đủ. Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên HĐQT, BKS tại các cuộc họp trong năm 2017 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trịnh Thành Nghiêm	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
2	Nguyễn Thế Bảo	TV HĐQT	4/4	100%
3	Thái Trường Giang	TV HĐQT	4/4	100%
4	Đình Công Tuấn	Trưởng BKS	4/4	100%
5	Trần Ngọc Công	TV BKS	4/4	100%
6	Trương Thùy Dương	TV BKS	4/4	100%





Các quyết định, nghị quyết thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến 100% của các thành viên tham dự, nội dung tài liệu các cuộc họp được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng, nội dung kịp thời, thiết thực định hướng hoạt động SXKD của Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT được đăng tải trên website của Công ty. Về cơ bản HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp SXKD của Công ty phù hợp với bối cảnh, thực trạng và chủ trương, chính sách của Nhà nước.

HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định trong năm 2017 như sau:

STT	Số NQ,QĐ	Ngày	Nội dung
1	04/NQ-CTN-HĐQT	05/01/2017	Nghị quyết về việc thực hiện các kết luận của HĐQT, tại cuộc họp ngày 29/12/2016.
2	03/QĐ-CTN-HĐQT	14/3/2017	Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
3	04/QĐ-CTN-HĐQT	15/6/2017	Quyết định thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
4	05/NQ-HĐQT	29/05/2017	Nghị quyết về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
5	06/NQ-CTN-HĐQT	08/6/2017	Nghị quyết về việc thực hiện các kết luận của HĐQT, tại cuộc họp ngày 23/5/2017.
6	07/NQ-CTN-HĐQT	08/06/2017	Nghị quyết về việc lắp đặt hệ thống lắng lamen tải trọng cao cụm xử lý nước số 1 và hệ thống hút bùn cụm xử lý nước số 2 – Nhà máy nước Tây Ninh.
7	08/NQ-CTN-HĐQT	08/06/2017	Nghị quyết tổ chức thực hiện XD CB năm 2017.
8	09/NQ-CTN-HĐQT	29/6/2017	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017.
9	10/NQ-CTN-HĐQT	18/7/2017	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017.
10	02/QĐ-CTN-HĐQT	08/6/2017	Quyết định điều chỉnh giá nước cho các đối tượng khác trừ đối tượng sinh hoạt.
11	11/NQ-CTN-HĐQT	10/7/2017	Nghị quyết về việc tái cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh.
12	12/NQ-CTN-HĐQT	15/9/2017	Nghị quyết HĐQT về việc xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018
13	13/NQ-CTN-HĐQT	29/12/2017	Nghị quyết về việc thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2017, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

### Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có



# BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện và sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đinh Công Tuấn	Trưởng BKS	-	-
2	Ông Trần Ngọc Công	Thành viên BKS	200.000	1,89%
3	Ông Trương Thùy Dương	Thành viên BKS	1.100.000	10,4%







## Ông ĐINH CÔNG TUÂN

Ngày sinh	17/4/1978
Nơi sinh	Kiên Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 7, KP3, Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế kỹ thuật
Quá trình công tác	
• 2004	Nhân viên Phòng nội vụ huyện Tân Châu
• 2005 - 2006	Nhân viên Công ty Mía đường Tây Ninh
• 10/2006 - 3/2007	Phó phòng kinh tế Công ty Khoai mì nước trong
• 4/2007 - 10/2007	Quyền trưởng phòng kinh tế Công ty Khoai mì nước trong
• 11/2007 - 6/2010	Trưởng phòng kinh tế kiêm Kế toán trưởng Công ty Khoai mì nước trong
• 7/2010 - 6/2012	Trưởng phòng kinh tế kiêm Kế toán trưởng Công ty Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Tân Hội
• 7/2012 - 10/2013	Phó phòng Đất đai Nông nghiệp Công ty Mía đường Tây Ninh
• 11/2013 - 7/2014	Phó Giám đốc Công ty Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Tân Hội
• 8/2014 - 3/2016	Kiểm soát viên chuyên trách Công ty Mía đường Tây Ninh
• 3/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh



**Chức vụ hiện nay tại Công ty**

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác**

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay**

- Cá nhân sở hữu
- Đại diện sở hữu

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác**

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay**

**của những người có liên quan**

**Các khoản nợ đối với Công ty**

**Thù lao và các khoản lợi ích khác**

**Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng**

**Hành vi vi phạm pháp luật**

Trưởng Ban kiểm soát

Không

0 cổ phiếu

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Không.

Không

Không

Theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

Không có

Không có





## Ông TRẦN NGỌC CÔNG

<b>Ngày sinh</b>	21/9/1970
<b>Nơi sinh</b>	Tây Ninh
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Địa chỉ thường trú</b>	107 hẻm 7, Lạc Long Quân, KP 6, P.4, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
<b>Trình độ văn hóa</b>	12/12
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Kỹ sư cấp thoát nước
<b>Quá trình công tác</b>	
<ul style="list-style-type: none"><li>• 1993 – 2010</li></ul>	Trưởng trạm cấp nước Bến Cầu. Phó trưởng phòng KHKT Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh
<ul style="list-style-type: none"><li>• 2010 – 2015</li></ul>	Phó trưởng nhà máy nước KCN Phước Đông CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG
<ul style="list-style-type: none"><li>• 2016 đến nay</li></ul>	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp thoát nước Tây Ninh



Chức vụ hiện nay tại Công ty

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

- Cá nhân sở hữu
- Đại diện sở hữu

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

của những người có liên quan

Các khoản nợ đối với Công ty

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng

Hành vi vi phạm pháp luật

Thành viên Ban kiểm soát

Không

200.000 cổ phiếu, chiếm 1,89% vốn điều lệ

200.000 cổ phiếu, chiếm 1,89% vốn điều lệ

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Không.

Không

Không

Theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

Không có

Không có





## Bà TRƯƠNG THÙY DƯƠNG

Ngày sinh	28/5/1971
Nơi sinh	Tây Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	26 Hẻm 41, CMT8, KP.6, P3, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế tài chính Doanh nghiệp
Quá trình công tác	
<ul style="list-style-type: none"><li>• 10/1995 - 4/2003</li><li>• 5/2003 đến nay</li><li>• 3/2016 đến nay</li></ul>	<p>Nhân viên Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh</p> <p>Chuyên viên Phòng tài chính Doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh</p>



**Chức vụ hiện nay tại Công ty**

Thành viên Ban kiểm soát

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác**

Chuyên viên Phòng tài chính Doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay**

1.974.000 cổ phiếu, chiếm 18,66% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu
- Đại diện sở hữu cho UBND tỉnh Tây Ninh

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

1.100.000 cổ phiếu, chiếm 10,4% vốn điều lệ

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác**

Không.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay**

**của những người có liên quan**

**UBND tỉnh Tây Ninh**

Sở hữu: 5.500.000 cổ phiếu, chiếm 52% vốn điều lệ.

**Các khoản nợ đối với Công ty**

Không

**Thù lao và các khoản lợi ích khác**

Theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

**Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng**

Không có

**Hành vi vi phạm pháp luật**

Không có



Trong năm ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình làm việc và phân công cụ thể cho từng thành viên ban kiểm soát để thực hiện các nhiệm vụ sau:



- Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2017 của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2017 theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều lệ công ty và các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý tài chính.



- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.
- Kiểm tra việc thực hiện đầu tư xây dựng và quyết toán các tuyến ống nước mới.



- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY – CN TP HCM.

- Ban kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đưa ra những kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban điều hành về những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.

- Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty.
- Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự. Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2017 và công tác xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với mô hình sản xuất "Công ty cổ phần". Tài liệu được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo thông báo mời họp.



- Những cuộc họp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty.
- Sau cuộc họp, HĐQT đã thông qua các quyết định phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và nằm trong thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Ban Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT. Ban Giám Đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Ban Giám đốc đã duy trì thường xuyên họp giao ban. Thành phần tham dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp. Mỗi cuộc họp đều được thư ký ghi chép đầy đủ nội dung các ý kiến chỉ đạo tổng hợp thông báo xuống các đơn vị sản xuất và phòng ban biết để thực hiện.



Trong năm Hội đồng quản trị họp 4 lần ban hành 13 nghị quyết. Qua công tác giám sát Ban kiểm soát nhận thấy tất cả các phiên họp được thực hiện đúng quy định của Điều lệ công ty, nội dung, Nghị quyết các cuộc họp đều thuộc thẩm quyền nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Trong năm Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo ban điều hành hoàn tất hồ sơ đăng ký upCOM tại sàn giao dịch Hà Nội. Cổ phiếu công ty giao dịch lần đầu ngày 16/11/2017 với mã giao dịch WTN.

Ban giám đốc đã thực hiện kịp thời các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Chủ động tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Ban giám đốc thực hiện tốt công tác quản lý nhân sự và đúng đủ các chính sách cho người lao động.

### **Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2017**

#### **- Tình hình đầu tư xây dựng và quyết toán trong năm**

Với kế hoạch đầu tư 61 hạng mục với tổng mức đầu tư 44,408 tỷ đồng đến 31/12/2017 đã thực hiện đầu tư xây dựng được 39 hạng mục đạt 63,9 % kế hoạch. Với giá trị quyết toán 9,440 tỷ đồng đạt 21,26 % kế hoạch. Còn 2 hạng mục dở dang chưa quyết toán chiếm 3,28% kế hoạch. Số hạng mục không thực hiện 20 chiếm 32,79 % kế hoạch. Lý do hầu hết là vướn giải phóng mặt bằng.

Kết quả kiểm tra, kiểm soát Ban kiểm soát nhận xét Ban điều hành đã tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đầu tư xây dựng và quyết toán công trình. Tuy nhiên cần xem xét công tác lập dự toán và quyết toán công trình có sự trên lệch giá trị quá lớn.

#### **- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả đạt được.**

Năm 2017 có những thuận lợi và khó khăn nhưng ban điều hành đã cùng toàn thể người lao động thực hiện đạt các chỉ tiêu đáng khích lệ. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty là tốt. Tuy sản lượng tiêu thụ sản phẩm không đạt kế hoạch nhưng kết quả cốt lõi của doanh nghiệp là lợi nhuận đã vượt kế hoạch. Nhất là trong bối cảnh công ty sau cổ phần đã thực hiện khấu hao từ 8,6 tỷ/năm lên 14,9 tỷ/năm. Ngoài ra cách chỉ tiêu khác đều vượt kế hoạch.

- Tổng tài sản, tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 169,99 tỷ đồng, tăng 0,95% (tương đương 1,6 tỷ đồng) so với thời điểm 31/12/2016;
- Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 108,67 tỷ đồng, tăng 2,58% (tương đương 2,75 tỷ đồng) so với thời điểm 31/12/2016, nguyên nhân tăng do Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2017

- Về cơ cấu tài sản: Công ty đang có sự dịch chuyển cơ cấu tài sản/ tổng nguồn vốn từ tài sản dài hạn về tài sản ngắn hạn.
- Về cơ cấu nguồn vốn: nợ phải trả trên tổng vốn giảm trong khi vốn chủ sở hữu tăng 1,06%.
- Về khả năng thanh toán: công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán tốt.
- Về hiệu quả năm 2017 có sự tiến triển khá mạnh so với 2016 đây là tính hiệu đáng mừng tuy nhiên so với trung bình ngành thì công ty còn nhữn hạn chế nhất định.
- Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT.

Trong năm 2018, Ban Kiểm Soát kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành như sau:

- Có kế hoạch thực hiện tốt nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Duy trì tính ổn định, hiệu quả hoạt động và gia tăng phát triển khách hàng để khai thác triệt để công suất các tuyến ống hiện hữu;
- Xem xét việc lập dự toán xây dựng công trình sát với thực tế đầu tư xây dựng để giá trị quyết toán không có sự sai biệt quá lớn;
- Công ty cần lập kế hoạch tài chính hàng năm và trung hạn để chủ động trong việc vay và trả nợ cho các dự án mới như nhà máy nước Trảng Bàng.
- Ban giám đốc cần có biện pháp nhắc nhở xử lý cá nhân, tập thể trong việc bộ phận kế toán đến nay vẫn không in đóng sổ và lưu trữ sổ kế toán theo Điều 24 khoản 2 Luật kế toán “Sổ kế toán phải ghi rõ tên đơn vị kế toán; tên sổ; ngày, tháng, năm lập sổ; ngày, tháng, năm khóa sổ; chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; số trang; đóng dấu giáp lai”. Mặc dù kiểm soát đã kiến nghị nhiều lần.
- Nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong thực hiện các qui định, nội quy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Hoạch định và có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;



Trong năm 2017 Ban Kiểm Soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2017.

#### Kế hoạch hoạt động năm 2018



- Thực hiện việc kiểm tra giám sát theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong điều lệ công ty, luật Doanh nghiệp hiện hành.
- Kiểm tra giám sát và đánh giá mức độ cần trọng của công tác tổ chức và lưu trữ kế toán.
- Kiểm tra kiểm soát việc đầu tư và quyết toán công trình xây dựng trong năm.
- Kiểm tra kiểm soát việc thực hiện tuyển dụng và các chế độ chính sách cho người lao động.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của công ty đại chúng.
- Giám sát Hội đồng quản trị, ban điều hành thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2018.
- Thực hiện các công tác khác trong chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.



## Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác



- Trong năm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động tại công ty.
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có mời Ban kiểm soát tham dự và đóng góp ý kiến.
- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được sự nhất trí cao và cung cấp đầy đủ kíp thời cho Ban kiểm soát



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương
1	<b>Hội đồng quản trị</b>	
	Ông Trịnh Thành Nghiêm	290.400.000
	Ông Nguyễn Thế Bảo	43.200.000
	Ông Thái Trường Giang	43.200.000
2	<b>Ban kiểm soát</b>	
	Ông Đinh Công Tuấn	237.600.000
	Ông Trần Ngọc Công	32.400.000
	Bà Trương Thùy Dương	32.400.000
3	<b>Ban điều hành</b>	
	Ông Nguyễn Thế Bảo	277.200.000
	Ông Vũ Đình Thung	237.600.000
	Ông Lê Thanh Việt	237.600.000
	Bà Trương Thị Bích Thảo	211.200.000



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH







## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ (hiệu lực từ ngày 01/08/2017) và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thế Bảo  
Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018, trình bày từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được nêu tại mục 33.1 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2017, Công ty tính và thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt với mức từ 300 đồng/m<sup>3</sup> đến 500 đồng/m<sup>3</sup> nước tiêu thụ, tương đương khoảng 4,7% giá bán của 1m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ vào Quyết định số 62/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh (Quyết định này căn cứ vào Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/03/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải). Tuy nhiên, theo Nghị định 154/2016/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và thay thế Nghị định số 25/2013/NĐ-CP: Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Do điều kiện khách quan, cơ sở hạ tầng địa phương chưa đảm bảo để tăng mức thu phí bảo vệ môi trường, nên thời gian bắt đầu áp dụng mức phí thay đổi do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh quyết định.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 1.7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Tây Ninh từ ngày 10/03/2016. Theo đó, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 10/03/2016 ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh. Các số liệu so sánh này được trình bày nhằm mục đích cung cấp bổ sung thông tin và không hoàn toàn so sánh được do không có sự đồng nhất về kỳ kế toán.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp Kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh và vấn đề khác không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1496-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018*

**Lương Ngô Bảo Trân**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 1828-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>Tại 01/01/2017</b> <b>VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16.965.155.386</b>	<b>12.082.509.040</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>7.560.862.233</b>	<b>5.406.490.898</b>
Tiền	111		1.060.862.233	406.490.898
Các khoản tương đương tiền	112		6.500.000.000	5.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.772.918.087</b>	<b>3.549.225.071</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.171.925.208	3.335.196.718
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		687.067.842	44.924.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	141.028.239	278.195.395
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(227.103.202)	(109.091.042)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>4.352.000.103</b>	<b>2.204.560.074</b>
Hàng tồn kho	141		4.355.157.598	2.204.560.074
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.157.495)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>279.374.963</b>	<b>922.232.997</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152	14	17.116.812	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	262.258.151	922.232.997
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>153.019.510.532</b>	<b>156.294.844.344</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>142.255.104.240</b>	<b>149.641.514.227</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	141.943.682.831	149.224.992.690
- Nguyên giá	222		357.263.201.971	347.955.239.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(215.319.519.140)	(198.730.246.762)
Tài sản cố định vô hình	227	10	311.421.409	416.521.537
- Nguyên giá	228		953.454.564	953.454.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(642.033.155)	(536.933.027)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.104.259.020</b>	<b>346.956.410</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.104.259.020	346.956.410
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.660.147.272</b>	<b>6.306.373.707</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	7.660.147.272	6.306.373.707
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>169.984.665.918</b>	<b>168.377.353.384</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>61.311.364.071</b>	<b>62.440.968.922</b>
Nợ ngắn hạn	310		16.015.814.263	11.070.896.976
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	5.592.860.346	1.228.034.434
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		238.759.116	200.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	348.218.542	366.373.618
Phải trả người lao động	314		2.634.921.362	2.476.854.348
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	967.576.653	191.413.404
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	65.348.661	744.530.034
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	6.074.522.138	6.074.522.138
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		93.607.445	(11.031.000)
Nợ dài hạn	330		45.295.549.808	51.370.071.946
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	45.295.549.808	51.370.071.946
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>108.673.301.847</b>	<b>105.936.384.462</b>
Vốn chủ sở hữu	410	18	108.673.301.847	105.936.384.462
Vốn góp của chủ sở hữu	411		105.768.270.000	105.768.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.768.270.000	105.768.270.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.905.031.847	168.114.462
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.905.031.847	168.114.462
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>169.984.665.918</b>	<b>168.377.353.384</b>



**Nguyễn Thế Bảo**  
Giám Đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

**Trương Thị Bích Thảo**  
Kế toán trưởng

**Trương Thị Bích Thảo**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017		Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016	
		VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	56.366.928.989		41.794.693.377	
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	533.637		207.273	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 19	56.366.395.352		41.794.486.104	
Giá vốn hàng bán	11 20	26.964.432.322		21.346.554.674	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20	29.401.963.030		20.447.931.430	
Doanh thu hoạt động tài chính	21 21	479.563.243		247.481.282	
Chi phí tài chính	22 22	3.356.374.134		3.012.341.043	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	3.356.374.134		3.012.341.043	
Chi phí bán hàng	25 23	14.461.487.711		10.833.623.395	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 23	8.490.573.343		6.756.653.936	
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>3.573.091.085</b>		<b>92.794.338</b>	
Thu nhập khác	31 24	4.316.744		82.629.876	
Chi phí khác	32 25	8.385.383		7.309.752	
Lợi nhuận khác	40	(4.068.639)		75.320.124	
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>3.569.022.446</b>		<b>168.114.462</b>	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 26	663.990.599		-	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-		-	
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>2.905.031.847</b>		<b>168.114.462</b>	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 28	275		16	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71 29	275		16	



Nguyễn Thế Bảo  
Giám Đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Bích Thảo  
Kế toán trưởng

Trương Thị Bích Thảo  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 10/03/2016
			VND	đến 31/12/2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.569.022.446	168.114.462
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		16.694.372.506	13.213.310.997
Các khoản dự phòng	03		121.169.655	109.091.042
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(428.660.362)	(247.481.282)
Chi phí lãi vay	06		3.356.374.134	3.012.341.043
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>23.312.278.379</b>	<b>16.255.376.262</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(698.847.142)	647.259.349
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.150.597.524)	121.558.202
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.876.529.728	(2.410.155.788)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.353.773.565)	(533.717.377)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.056.615.619)	(3.012.341.043)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.189.862.112	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.085.223.667)	(607.284.223)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>20.033.612.702</b>	<b>10.460.695.382</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.065.265.129)	(3.528.029.058)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(9.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		428.660.362	247.481.282
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.636.604.767)</b>	<b>(3.280.547.776)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 10/03/2016
			VND	đến 31/12/2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.074.522.138)	(6.074.522.138)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(168.114.462)	(3.049.157.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.242.636.600)</b>	<b>(9.123.679.138)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>2.154.371.335</b>	<b>(1.943.531.532)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	5.406.490.898	7.350.022.430
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	7.560.862.233	5.406.490.898



Nguyễn Thế Bảo  
Giám Đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Bích Thảo  
Kế toán trưởng

Trương Thị Bích Thảo  
Người lập biểu



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Tây Ninh, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900243762 đăng ký lần đầu ngày 27/06/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp. Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Tây Ninh chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 2 ngày 10/03/2016, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 16/03/2016 về việc bổ sung thêm người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 của Công ty là 105.768.270.000 đồng, chia thành 10.576.827 cổ phần với mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAY NINH WATER SUPPLY AND RAINAGE JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TAYNINH WASSCO.

Trụ sở chính của công ty được đặt tại số 489, đường 30/4, Phường 1, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

#### **1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt; xây dựng các công trình dân dụng, cấp thoát nước.

#### **1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Sản xuất, kinh doanh nước tinh khiết;
- Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, thiết kế, giám sát và xây dựng các công trình cấp thoát nước trong và ngoài tỉnh;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, nhựa, chuyên ngành cấp thoát nước;
- Xây dựng: Các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi;
- Quản lý thoát nước và vệ sinh môi trường.

#### **1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt đô thị và các nhu cầu khác. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên trong năm.

#### **1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Tây Ninh từ ngày 10/03/2016. Theo đó, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 10/03/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh. Các số liệu so sánh này được trình bày nhằm mục đích cung cấp bổ sung thông tin và không hoàn toàn so sánh được do không có sự đồng nhất về kỳ kế toán.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### 4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

#### 4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	03 – 20
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10
Phần mềm máy vi tính	05

Tài sản vô hình của Công ty là phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 5 năm, Quyền khảo sát địa hình địa chất mẫu nước (ADB) và các tài sản khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được xác định theo Phương án cổ phần hóa tại ngày 10/03/2016.

#### 4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Chi phí trả trước bao gồm phí lập báo cáo giám sát môi trường và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ 06 tháng đến 24 tháng.

**4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của công ty bao gồm trích trước chi phí lãi vay, phí dịch vụ môi trường rừng, chi phí súc rửa đường ống, chi phí lắp đặt và thay đồng hồ nước, được hạch toán căn cứ vào Kế hoạch sản xuất năm 2017 và thông qua Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 29/06/2017.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

**4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

**4.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu gồm: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Xây lắp hệ thống đường ống nước.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.15 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó bên liên quan của Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	97.703.206	113.139.800
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	963.159.027	293.351.098
Các khoản tương đương tiền (*)	6.500.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.560.862.233</b>	<b>5.406.490.898</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 3 tháng tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh và Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh lãi suất theo từng lần gửi tiền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4.171.925.208	(227.103.202)	3.335.196.718	(109.091.042)
Phải thu tiền nước của các đối tượng khách hàng	4.171.925.208	(227.103.202)	3.335.196.718	(109.091.042)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.171.925.208</b>	<b>(227.103.202)</b>	<b>3.335.196.718</b>	<b>(109.091.042)</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	141.028.239	-	278.195.395	-
- Tạm ứng	-	-	195.000.000	-
- Phải thu dự án hệ thống thu gom và xử lý nước	78.753.269	-	79.393.392	-
- Phải thu khác	52.309.027	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	3.802.003	-
Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>141.028.239</b>	<b>-</b>	<b>278.195.395</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.347.756.869	(3.157.495)	2.196.855.258	-
Công cụ, dụng cụ	7.400.729	-	7.704.816	-
<b>Cộng</b>	<b>4.355.157.598</b>	<b>(3.157.495)</b>	<b>2.204.560.074</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Tại 01/01/2017</b>	130.891.584.681	24.768.806.159	191.747.000.248	547.848.364	347.955.239.452
- Mua trong năm	-	125.340.000	-	-	125.340.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	799.590.990	-	8.581.740.101	-	9.381.331.091
- Giảm do phân loại lại	-	(198.708.572)	-	-	(198.708.572)
<b>Tại 31/12/2017</b>	131.691.175.671	24.695.437.587	200.328.740.349	547.848.364	357.263.201.971
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Tại 01/01/2017</b>	76.616.814.147	12.856.246.026	109.045.291.651	211.894.938	198.730.246.762
- Tăng do phân loại lại	260.249.288	20.808.363	-	-	281.057.651
- Giảm do phân loại lại	-	(118.276.788)	(281.057.651)	-	(399.334.439)
- Khấu hao trong năm	7.012.086.397	2.070.377.933	7.557.769.021	67.315.815	16.707.549.166
<b>Tại 31/12/2017</b>	83.889.149.832	14.829.155.534	116.322.003.021	279.210.753	215.319.519.140
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại 01/01/2017</b>	54.274.770.534	11.912.560.133	82.701.708.597	335.953.426	149.224.992.690
<b>Tại 31/12/2017</b>	47.802.025.839	9.866.282.053	84.006.737.328	268.637.611	141.943.682.831

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 2.801.507.874 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm	Quyền khảo sát	Cộng
	máy vi tính	địa hình địa chất mẫu nước (ADB)	
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2017	395.195.906	558.258.658	953.454.564
Tại 31/12/2017	395.195.906	558.258.658	953.454.564
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>			
Tại 01/01/2017	196.073.864	340.859.163	536.933.027
- Khấu hao trong kỳ	4.359.480	100.740.648	105.100.128
Tại 31/12/2017	200.433.344	441.599.811	642.033.155
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2017	199.122.042	217.399.495	416.521.537
Tại 31/12/2017	194.762.562	116.658.847	311.421.409

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	7.660.147.272	6.306.373.707
- Chi phí lắp đặt và thay đồng hồ đo nước	7.380.088.132	5.348.195.536
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.437.890	450.607.951
- Công cụ, dụng cụ đã phân bổ hết đã được đánh giá lại 20% khi cổ phần hóa	8.142.413	69.792.140
- Giá trị lợi thế thương mại khi XDGTĐN tại ngày 31/12/2014	27.300.000	234.000.000
- Các khoản khác	225.178.837	203.778.080
<b>Cộng</b>	<b>7.660.147.272</b>	<b>6.306.373.707</b>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Các công trình đặt tuyến ống nước tại địa bàn tỉnh Tây Ninh	3.104.259.020	346.956.410
<b>Cộng</b>	<b>3.104.259.020</b>	<b>346.956.410</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>5.592.860.346</b>	<b>5.592.860.346</b>	<b>1.228.034.434</b>	<b>1.228.034.434</b>
- Cty TNHH MTV Khai Thác Thủy Lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa	303.000.000	303.000.000	-	-
- Cty TNHH Nhựa Đạt Hòa	-	-	407.046.200	407.046.200
- Cty CP HAWACCO Miền Nam	532.444.000	532.444.000	527.340.000	527.340.000
- Cty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong Phía Nam	3.286.697.279	3.286.697.279	142.048.720	142.048.720
- Cty CP Nhựa Đồng Nai	690.175.200	690.175.200	-	-
- Các khoản phải trả khác	780.543.867	780.543.867	151.599.514	151.599.514
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.592.860.346</b>	<b>5.592.860.346</b>	<b>1.228.034.434</b>	<b>1.228.034.434</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2017		Số phải nợp trong năm		Số đã thực nợp trong năm		Tại 31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</b>	-	-	-	-	17.116.812	-	17.116.812	-
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	-	-	-	17.116.812	-	17.116.812	-
<b>b. Thuế và các khoản phải thu</b>	922.232.997	663.990.599	663.990.599	4.015.753	4.015.753	262.258.151	258.242.398	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	922.232.997	663.990.599	663.990.599	-	-	262.258.151	258.242.398	
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	4.015.753	4.015.753	-	4.015.753	
<b>Cộng</b>	<b>922.232.997</b>	<b>663.990.599</b>	<b>663.990.599</b>	<b>4.015.753</b>	<b>4.015.753</b>	<b>262.258.151</b>	<b>258.242.398</b>	
<b>c. Thuế và các khoản phải nợp</b>								
- Thuế giá trị gia tăng phải nợp	46.329.714	662.713.445	662.713.445	709.043.159	709.043.159	-	-	
- Thuế thu nhập cá nhân	1.912.754	37.514.852	37.514.852	39.427.606	39.427.606	-	-	
- Thuế tài nguyên	116.150.400	1.300.658.400	1.300.658.400	1.303.208.000	1.303.208.000	113.600.800	113.600.800	
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	30.586.000	30.586.000	30.586.000	30.586.000	-	-	
- Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	-	-	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nợp khác	201.980.750	2.534.492.684	2.534.492.684	2.501.855.692	2.501.855.692	234.617.742	234.617.742	
<b>Cộng</b>	<b>366.373.618</b>	<b>4.572.965.381</b>	<b>4.572.965.381</b>	<b>4.591.120.457</b>	<b>4.591.120.457</b>	<b>348.218.542</b>	<b>348.218.542</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>967.576.653</b>	<b>191.413.404</b>
- Trích trước chi phí nhân công công trình	324.384.898	80.645.044
- Trích trước phí dịch vụ môi trường rừng	314.793.240	-
- Trích trước chi phí lãi vay	299.758.515	-
- Các khoản trích trước khác	28.640.000	110.768.360
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>967.576.653</b>	<b>191.413.404</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>65.348.661</b>	<b>744.530.034</b>
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội	7.765.701	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.338.335
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.582.960	743.191.699
+ <i>Phải trả NLD 10% phí bảo vệ môi trường giữ lại</i>	<i>17.865.770</i>	<i>17.076.930</i>
+ <i>Phải trả UNND Hòa Thành tiền hỗ trợ các công trình đường ống cho khu dân cư</i>	<i>39.291.376</i>	<i>18.000.000</i>
+ <i>Trích trước phí dịch vụ môi trường rừng</i>	<i>-</i>	<i>314.793.240</i>
+ <i>Trích trước chi phí lãi vay</i>	<i>-</i>	<i>345.184.038</i>
+ <i>Các khoản trích trước khác</i>	<i>-</i>	<i>44.509.091</i>
+ <i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>425.814</i>	<i>3.628.400</i>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>65.348.661</b>	<b>744.530.034</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	Tại 31/12/2017			Trong kỳ			Tại 01/01/2017		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>									
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh (*)	6.074.522.138	6.074.522.138	6.074.522.138	6.074.522.138	6.074.522.138	6.074.522.138	6.074.522.138		
- Hiệp định vay phụ ngày 26/07/2002 với Bộ tài chính (**)	1.320.250.922	1.320.250.922	1.320.250.922	1.320.250.922	1.320.250.922	1.320.250.922	1.320.250.922		
<b>Vay dài hạn</b>									
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh (*)	4.754.271.216	4.754.271.216	4.754.271.216	4.754.271.216	4.754.271.216	4.754.271.216	4.754.271.216		
- Hiệp định vay phụ ngày 26/07/2002 với Bộ tài chính (**)	45.295.549.808	45.295.549.808	-	6.074.522.138	51.370.071.946	51.370.071.946	51.370.071.946		
<b>Cộng</b>	7.261.380.072	7.261.380.072	-	1.320.250.922	8.581.630.994	8.581.630.994	8.581.630.994		
	38.034.169.736	38.034.169.736	-	4.754.271.216	42.788.440.952	42.788.440.952	42.788.440.952		
	<b>51.370.071.946</b>	<b>51.370.071.946</b>	<b>6.074.522.138</b>	<b>12.149.044.276</b>	<b>57.444.594.084</b>	<b>57.444.594.084</b>	<b>57.444.594.084</b>		

(\*) Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01-2003/TIDNN ngày 30/05/2013, với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Tây Ninh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh) với tổng giá trị khoản vay là 1.206.000 USD thời hạn vay là 192 tháng và 72 tháng ân hạn với lãi suất là 0,5%/ tháng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy nước, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(\*\*) Hiệp định vay phụ ngày 26/07/2002 với Bộ Tài Chính (BTC) cho vay lãi vốn vay của ADB) tổng giá trị khoản vay là 4.652.000 USD thời hạn vay là 192 tháng và 72 tháng ân hạn với lãi suất là 0,5%/ tháng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy nước, khoản vay không có tài sản đảm bảo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại 10/03/2016</b>	<b>105.768.270.000</b>	<b>6.867.822.034</b>	<b>112.636.092.034</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	168.114.462	168.114.462
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.478.397.723)	(1.478.397.723)
- Nộp ngân sách Nhà nước (*)	-	(5.389.424.311)	(5.389.424.311)
<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>105.768.270.000</b>	<b>168.114.462</b>	<b>105.936.384.462</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>105.768.270.000</b>	<b>168.114.462</b>	<b>105.936.384.462</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	2.905.031.847	2.905.031.847
- Chi trả cổ tức (**)	-	(168.114.462)	(168.114.462)
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>105.768.270.000</b>	<b>2.905.031.847</b>	<b>108.673.301.847</b>

(\*) Căn cứ Quyết Định số 1776/QĐ-UBND ngày 04/07/2016 về phê duyệt báo cáo tài chính và trích lập các quỹ năm 2015 và từ ngày 01/01/2016 đến ngày 09/03/2016, Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là: 1.478.397.723 đồng, số còn lại chuyển nộp về ngân sách Nhà nước với số tiền là 5.389.424.311 đồng.

(\*) Công ty chia cổ tức căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 09/NQ-UBND ngày 29/06/2017.

**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Tây Ninh	52,0%	55.000.000.000	52,0%	55.000.000.000
Công ty Cổ Phần Hải Đăng	35,0%	37.030.000.000	35,0%	37.030.000.000
Các cổ đông khác	13,0%	13.738.270.000	13,0%	13.738.270.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>105.768.270.000</b>	<b>100%</b>	<b>105.768.270.000</b>

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	105.768.270.000	105.768.270.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	105.768.270.000	105.768.270.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	168.114.462	3.049.157.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.576.827	10.576.827
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.576.827	10.576.827
+ Cổ phiếu phổ thông	10.576.827	10.576.827
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.576.827	10.576.827
+ Cổ phiếu phổ thông	10.576.827	10.576.827
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**19. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
a) Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.366.395.352	41.794.486.104
- Doanh thu nước máy	55.130.068.285	40.770.937.167
- Doanh thu dịch vụ công trình	1.236.327.067	1.023.548.937
<b>Cộng</b>	<b>56.366.395.352</b>	<b>41.794.486.104</b>
b) Doanh thu với các bên liên quan	-	-

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn nước máy	26.146.387.055	20.758.292.704
Giá vốn dịch vụ công trình	818.045.267	588.261.970
<b>Cộng</b>	<b>26.964.432.322</b>	<b>21.346.554.674</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu lãi tiền gửi	428.660.362	247.481.282
Lãi chiết khấu thanh toán	50.902.881	-
<b>Cộng</b>	<b>479.563.243</b>	<b>247.481.282</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.356.374.134	3.012.341.043
<b>Cộng</b>	<b>3.356.374.134</b>	<b>3.012.341.043</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>8.490.573.343</b>	<b>6.756.653.936</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.549.599.823	4.141.170.124
- Chi phí vật liệu quản lý	404.865.805	180.720.642
- Chi phí đồ dùng văn phòng	102.376.658	83.624.900
- Chi phí khấu hao TSCĐ	876.682.780	880.902.258
- Thuế, phí và lệ phí	71.092.804	351.528.314
- Chi phí dự phòng	121.169.655	109.091.042
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	288.872.337	389.301.962
- Chi phí bằng tiền khác	1.075.913.481	620.314.694
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>14.461.487.711</b>	<b>10.833.623.395</b>
- Chi phí nhân viên	3.808.439.670	3.004.917.559
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.613.574.060	3.411.009.138
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.815.898.225	3.554.399.364
- Thuế, phí và lệ phí	380.263.884	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	799.546	-
- Chi phí bằng tiền khác	842.512.326	863.297.334
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu hồi tiền án phí theo Quyết định 1043/QĐ CCTHA-Trảng Bàng	-	22.650.000
Thu nhập khác	4.316.744	59.979.876
<b>Cộng</b>	<b>4.316.744</b>	<b>82.629.876</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi nộp phạt hành chính	7.501.973	1.434.880
Các khoản chi phí khác	883.410	5.874.872
<b>Cộng</b>	<b>8.385.383</b>	<b>7.309.752</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.569.022.446	168.114.462
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	7.501.973	255.091.042
- Thù lao Hội đồng Quản trị	-	146.000.000
- Chi phí không được trừ	7.501.973	109.091.042
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.576.524.419	423.205.504
Các khoản lỗ được kết chuyển	(256.571.424)	(423.205.504)
Tổng thu nhập tính thuế	3.319.952.995	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>663.990.599</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.896.667.061	7.418.132.132
Chi phí công cụ dụng cụ	2.719.750.718	-
Chi phí nhân công	15.349.132.886	12.001.703.420
Khấu hao tài sản cố định	16.694.372.508	13.213.310.997
Thuế, phí và lệ phí	451.356.688	351.528.314
Chi phí dự phòng	121.169.655	109.091.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	922.332.449	585.669.580
Chi phí bằng tiền khác	3.761.711.411	2.726.593.074
<b>Cộng</b>	<b>49.916.493.376</b>	<b>36.406.028.559</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.905.031.847	168.114.462
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	10.576.827	10.576.827
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>275</b>	<b>16</b>

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm.

**29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.905.031.847	168.114.462
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	10.576.827	10.576.827
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành trong kỳ (CP)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>275</b>	<b>16</b>

Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất và cung cấp nước máy, xây lắp và các hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh. Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu.

Công ty hoạt động trong một môi trường kinh tế, không có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể nên không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2017	Sản xuất kinh doanh nước máy sinh hoạt		Xây dựng đường ống nước		Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng	55.130.068.285	1.236.327.067	56.366.395.352		
Chi phí bộ phận	(26.146.387.055)	(818.045.267)	(26.964.432.322)		
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>28.983.681.230</b>	<b>418.281.800</b>	<b>29.401.963.030</b>		
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(22.952.061.054)		
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	-	-	<b>6.449.901.976</b>		
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	479.563.243		
Chi phí tài chính	-	-	(3.356.374.134)		
Thu nhập khác	-	-	4.316.744		
Chi phí khác	-	-	(8.385.383)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(663.990.599)		
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	<b>2.905.031.847</b>		
Tổng tài sản			169.984.665.918		
Tổng nợ phải trả			61.311.364.071		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

	Từ ngày 10/03/2016 đến ngày 31/12/2016		Cộng
	Sản xuất kinh doanh nước máy sinh hoạt	Xây dựng đường ống nước	
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	40.770.937.167	1.023.548.937	41.794.486.104
Chi phí bộ phận	20.758.292.704	588.261.970	(21.346.554.674)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>61.529.229.871</b>	<b>1.611.810.907</b>	<b>20.447.931.430</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(17.590.277.331)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	-	-	<b>2.857.654.099</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	247.481.282
Chi phí tài chính	-	-	(3.012.341.043)
Thu nhập khác	-	-	82.629.876
Chi phí khác	-	-	(7.309.752)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	<b>168.114.462</b>
Tổng tài sản			168.377.353.384
Tổng nợ phải trả			11.070.896.976

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.560.862.233	5.406.490.898
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.085.850.245	3.309.301.071
<b>Cộng</b>	<b>11.646.712.478</b>	<b>8.715.791.969</b>
	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	51.370.071.946	57.444.594.084
Phải trả người bán và phải trả khác	5.592.860.346	1.972.564.468
Chi phí phải trả	967.576.653	191.413.404
<b>Cộng</b>	<b>57.930.508.945</b>	<b>59.608.571.956</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

*Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2017.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty có thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Rủi ro về giá*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	6.074.522.138	45.295.549.808	-	51.370.071.946
Phải trả người bán và phải trả khác	5.592.860.346	-	-	5.592.860.346
Chi phí phải trả	967.576.653	-	-	967.576.653
<b>Cộng</b>	<b>12.634.959.137</b>	<b>45.295.549.808</b>	<b>-</b>	<b>57.930.508.945</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	6.074.522.138	51.370.071.946	-	57.444.594.084
Phải trả người bán và phải trả khác	1.972.564.468	-	-	1.972.564.468
Chi phí phải trả	191.413.404	-	-	191.413.404
<b>Cộng</b>	<b>8.238.500.010</b>	<b>51.370.071.946</b>	<b>-</b>	<b>59.608.571.956</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.560.862.233	-	-	7.560.862.233
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.085.850.245	-	-	4.085.850.245
<b>Cộng</b>	<b>11.646.712.478</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.646.712.478</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.406.490.898	-	-	5.406.490.898
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.309.301.071	-	-	3.309.301.071
<b>Cộng</b>	<b>8.715.791.969</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.715.791.969</b>

**32. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

<u>Thu nhập của Ban Giám đốc, HĐQT, BKS</u>	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lương và phụ cấp của Ban Giám Đốc, HĐQT, BKS	1.414.800.000	832.000.000

**33. THÔNG TIN KHÁC**

**33.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Trong năm 2017, Công ty tính và thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt với mức từ 300 đồng/m<sup>3</sup> đến 500 đồng/m<sup>3</sup> nước tiêu thụ, tương đương khoảng 4,7% giá bán của 1m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ vào Quyết định số 62/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh (Quyết định này căn cứ vào Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/03/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải). Tuy nhiên, theo Nghị định 154/2016/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và thay thế Nghị định số 25/2013/NĐ-CP: Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Do điều kiện khách quan, cơ sở hạ tầng địa phương chưa đảm bảo để tăng mức thu phí bảo vệ môi trường, nên thời gian bắt đầu áp dụng mức phí thay đổi do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh quyết định.

Ngoài ra, không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**33.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**33.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.



  
Nguyễn Thế Bảo  
Giám Đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

  
Trương Thị Bích Thảo  
Kế toán trưởng

  
Trương Thị Bích Thảo  
Người lập biểu



## CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Thế Bảo  
Giám Đốc